



## ĐẶNG TIỂU BÌNH VÀ QUYẾT ĐỊNH TIẾN HÀNH CHIẾN TRANH VỚI VIỆT NAM

**Nguồn:** Xiaoming Zhang (2010). "Deng Xiaoping and China's Decision to go to War with Vietnam", *Journal of Cold War Studies*, Volume 12, Number 3 (Summer), pp. 3-29

**Biên dịch:** Vũ Minh Hải | **Hiệu đính:** Nguyễn Thị Nhung

Trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (từ đây viết tắt là Trung Quốc) đã tham gia hai chiến dịch quân sự lớn - một ở Triều Tiên chống lại Hoa Kỳ từ tháng 10 năm 1950 đến tháng 7 năm 1953, và hai là chiến tranh với Việt Nam năm 1979. Không may là ở Trung Quốc, cuộc chiến tranh với Việt Nam đã bị lịch sử lãng quên. Sự kiện này hiếm khi được thảo luận trên phương tiện truyền thông và các học giả ở Trung Quốc bị cấm nghiên cứu vấn đề này. Đến giữa những năm 1970, Trung Quốc và Việt Nam vẫn còn là những đồng minh thân cận trong Chiến tranh Lạnh. Vậy tại sao vào cuối năm 1978 Trung Quốc lại quyết định tiến hành chiến tranh với Việt Nam? Những nguồn tư liệu chính thức từ Trung Quốc đều không đưa ra được câu trả lời thoả đáng cho câu hỏi này. Lý do ban đầu của Bắc Kinh đưa ra bao gồm "giấc mộng xưng bá" tại Đông Nam Á của Hà Nội; hành vi xâm phạm biên giới Trung Quốc và cuộc tấn công sau đó vào lãnh thổ Trung Quốc; việc Hà Nội ngược đãi cộng đồng người Hoa sống ở Việt Nam; và quan hệ mật thiết của Việt Nam với Liên Xô vào thời điểm cường quốc này đang mở rộng ảnh hưởng đến Đông Nam Á.<sup>1</sup> Những nhà quan sát đương thời cũng như một vài nghiên cứu

---

**Ghi chú:** Bài viết thể hiện quan điểm của tác giả, không phải quan điểm của người dịch và BBT *Nghiencuuquocte.net*. Do nhiều nguồn tư liệu mà tác giả trích dẫn trong bài là từ phía Trung Quốc nên tính chính xác và khách quan có thể không được đảm bảo. Tuy nhiên, trên tinh thần học thuật, tôn trọng tác giả và nhằm giúp bạn đọc hiểu được quan điểm tuyên truyền nội bộ Trung Quốc về

sau đó cho rằng mục tiêu thật sự của Bắc Kinh là chuyển hướng tập trung sức mạnh quân sự của Hà Nội khỏi Campuchia và giữ chân lực lượng Việt Nam ở mặt trận thứ hai.<sup>2</sup> Những nhà quan sát khác lại cho rằng việc Bắc Kinh sử dụng lực lượng quân đội tấn công Việt Nam là nhằm làm mất uy tín Liên Xô trong vai trò là một đồng minh đáng tin cậy của Việt Nam, đáp trả lại việc Việt Nam hợp tác với Liên Xô bao vây Trung Quốc từ phía Đông Nam Á.<sup>3</sup>

Quyết định gây chiến với Việt Nam của Trung Quốc được hình thành một phần do mối quan hệ xấu đi giữa Hà Nội với Bắc Kinh, bởi liên minh mới giữa Việt Nam với Liên Xô, và bởi vị thế bá quyền khu vực của Việt Nam, đồng thời nó cũng nảy sinh từ nỗ lực của Trung Quốc nhằm nâng cao vị trí chiến lược trên thế giới và đẩy mạnh chương trình cải cách kinh tế trong nước. Ba sự kiện diễn ra tại Bắc Kinh trong tháng 12 năm 1978 đã có tác động quan trọng đến quyết định chiến tranh của Trung Quốc: Đặng Tiểu Bình trở lại hàng ngũ lãnh đạo cấp cao tại Hội nghị TW ba Khóa 11 của Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ), Bắc Kinh thông qua quyết định đưa cải cách kinh tế làm ưu tiên hàng đầu của quốc gia, và việc Trung Quốc bình thường hoá quan hệ với Hoa Kỳ. Đặng được xem là kiến trúc sư trưởng của Trung Quốc về chiến lược quốc gia trong thời kỳ hậu Mao, đóng vai trò chính trong quyết định tấn công Việt Nam của Trung Quốc. Các học giả hiện nay cũng thừa nhận vai trò của Đặng trong quyết định chiến tranh của Trung Quốc, nhưng đưa ra rất nhiều giả thuyết khác nhau cho quyết định này.

Phân tích của Gerald Segal năm 1985 cho rằng vận động chính trị trong giới lãnh đạo gần như không tác động đến quyết định của Trung Quốc, và những bất đồng cấp cao, nếu có, cũng không ảnh hưởng đến các chiến dịch quân sự của Trung Quốc.<sup>4</sup> King Chen lại đưa ra ý kiến trái chiều rằng quyết định đã được thực hiện sau "các cuộc tranh luận liên tục, kéo dài" tại Hội nghị Công tác Trung ương cuối năm 1978, và phong cách lãnh đạo của Đặng là "yếu tố không thể thiếu khi thuyết phục" Bộ Chính trị ĐCSTQ - khi đó đang bị chia rẽ sâu sắc - chấp thuận

---

cước chiến, chúng tôi dịch nguyên văn bài viết, bao gồm cả cách diễn đạt, dùng từ. Quyền nhận định và đánh giá nội dung bài viết thuộc về các độc giả.

<sup>1</sup> *Renmin ribao* [Nhân dân nhật báo], ngày 19 tháng 3 năm 1979. Bản dịch tiếng Anh, xem *Bắc Kinh Review*, ngày 23 tháng 3 năm 1979.

<sup>2</sup> Harlan W. Jencks, "China's 'Punitive' War on Vietnam: A Military Assessment," *Asian Survey*, Vol. 19, No. 8 (August 1979), pp. 802–803; Steven J. Hood, *Dragons Entangled: Indochina and the China-Vietnam War* (Armonk, NY: M. E. Sharpe, 1992), pp. 50–57; and Edward C. O'Dowd, *Chinese Military Strategy in the Third Indochina War: The Last Maoist War* (New York: Routledge, 2007), p. 6.

<sup>3</sup> Robert S. Ross, *The Indochina Tangle: China's Vietnam Policy, 1975–1979* (New York: Columbia University Press, 1988), p. 253; and Bruce Elleman, *Modern Chinese Warfare, 1785–1989* (London: Routledge, 2001), p. 285.

<sup>4</sup> Gerald Segal, *Defending China* (New York: Oxford University Press, 1985), pp. 225–226.

quyết định này.<sup>5</sup> Một nghiên cứu liên quan gần đây của Andrew Scobell khẳng định các nhà lãnh đạo dân sự và quân đội Trung Quốc đã chia thành phái ủng hộ và phản đối hành động quân sự chống Việt Nam và quá trình đưa ra quyết định chiến tranh là một phần của cuộc đấu tranh giành quyền kế thừa quyền lực trong giai đoạn chính trị hậu Mao của Trung Quốc.<sup>6</sup>

Nghiên cứu về quyết định của Trung Quốc tấn công Việt Nam gặp trở ngại do thiếu các tài liệu (chính thức) của Trung Quốc, nhưng khoảng trống này được bù đắp một phần nhờ số lượng nguồn tài liệu tiếng Trung (khác) tăng lên, đặc biệt là hồi ký của các quan chức quân đội cấp cao, cũng như các tài liệu được giải mật của Mỹ.<sup>7</sup> Phần đầu bài viết này tôi thảo luận về tiến trình một đề xuất của Bộ Tổng tham mưu Quân đội Giải phóng Nhân dân Trung Quốc (Giải phóng Quân Trung Quốc) về việc sử dụng vũ lực trong giải quyết tranh chấp biên giới với Việt Nam đã phát triển trở thành quyết định phát động một cuộc xâm lược quy mô lớn như thế nào. Sau đó, tôi đi vào nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố trong nước và quốc tế đến tư duy chiến lược của các lãnh đạo Trung Quốc, đặc biệt là Đặng Tiểu Bình, và quá trình hình thành quyết định chiến tranh. Những yếu tố này bao gồm nỗ lực mới của Bắc Kinh nhằm đẩy mạnh cải cách kinh tế và mở cửa ra thế giới, các chính sách chống Trung Quốc của Việt Nam, việc Việt Nam can thiệp vào Campuchia, và mối quan hệ liên minh Xô-Việt. Đặng dường như đã tin rằng quan hệ hợp tác chiến lược Xô-Việt là mối đe dọa đến Trung Quốc. Ông không chỉ hy vọng rằng quan hệ bình thường hoá với Hoa Kỳ sẽ cải thiện vị trí chiến lược của Trung Quốc và tạo điều kiện thuận lợi hơn trong cải cách kinh tế với sự hỗ trợ của Hoa Kỳ; mà ông ta còn trông đợi cuộc tấn công của Trung Quốc vào đồng minh của Liên Xô sẽ thuyết phục chính phủ Mỹ rằng Hoa Kỳ và Trung Quốc cùng có lợi ích chung. Thắng lợi chính trị của Đặng ở Hội nghị Trung ương ba của ĐCS TQ đã củng cố vị trí của Đặng tại Trung Quốc và ngăn cản bất cứ ai muốn thách thức quyết định của ông ta - một quyết định sau này đã dẫn đến cuộc chiến tranh tốn kém và chết chóc. Nếu như trước khi đưa quân vào Triều Tiên Trung Quốc đã tiến hành nhiều cuộc thảo luận,

---

<sup>5</sup> King Chen, *China's War with Vietnam, 1979* (Stanford, CA: Hoover Institution Press, 1987), pp. 85–86, 152.

<sup>6</sup> Andrew Scobell, *China's Use of Military Force beyond the Great Wall and the Long March* (New York: Cambridge University Press, 2003), pp. 124–143.

<sup>7</sup> Những cuốn hồi ký đáng chú ý là Zhou Deli, *Yige gaoji canmouzhang de zishu* [Personal Recollections of a High-Ranking Chief of Staff] (Nanjing: Nanjing chubanshe, 1992); *Xu Shiyou de zuihou yizhan* [The Last Battle of Xu Shiyou] (Nanjing: Jiangsu renmin chubanshe, 1990); and Zhang Zhen, *Zhang Zhen huiyilu* [Zhang Zhen's Memoirs] (Beijing: Jiefangjun chubanshe, 2003). Ngoài ra, các trang web Internet Trung Quốc chứa các tài liệu, hồi ký, hồi ức cá nhân, và những đoạn trích từ các ấn phẩm của Trung Quốc liên quan đến cuộc chiến tranh năm 1979 với Việt Nam. Hữu ích nhất là "Zhongyue zhangzhen beiwanglu" [Memoranda of Sino-Vietnam War], <http://bwl.top81.cn/war79/index.html>.

thì ngược lại không hề có tranh cãi nghiêm trọng nào trong giới lãnh đạo cấp cao ở Bắc Kinh về quyết định chiến tranh với Việt Nam.<sup>8</sup> Tuy nhiên, quá trình tranh giành quyền lực trong nội bộ lãnh đạo đảng thực sự cũng có ảnh hưởng đến quyết định này.

## Trung Quốc đáp trả các sự kiện biên giới

Sau chiến thắng của quân đội Bắc Việt Nam trước Nam Việt Nam năm 1975, các lãnh đạo ĐCSQT tỏ ra ngày càng lo lắng về chính sách đối ngoại của Hà Nội. Người Trung Quốc e ngại ảnh hưởng của Liên Xô tại Đông Dương khi Hà Nội trở lên gần gũi hơn bao giờ hết với Mátxcơva do nhận viện trợ vật chất và cùng ý thức hệ.<sup>9</sup> Các lãnh đạo Trung Quốc cũng khó chịu với những nỗ lực của Hà Nội trong việc thiết lập mối quan hệ đặc biệt với Lào và Campuchia, riêng Campuchia còn chịu áp lực quân sự gia tăng từ phía Việt Nam.<sup>10</sup> Có lẽ vấn đề quan trọng nhất là Bắc Kinh và Hà Nội đã xung đột về vấn đề lãnh thổ. Trong quá khứ, Trung Quốc đã vài lần xâm lược Việt Nam nhằm giành quyền thống trị khu vực nhưng không phải để chiếm giữ lãnh thổ (?). Về phần mình Việt Nam cho đến thời điểm đó chưa bao giờ thách thức các yêu sách về lãnh thổ của Trung Quốc (?). Tình hình bắt đầu thay đổi sau năm 1975 khi những tranh chấp biên giới trở thành vấn đề chính đối với Bộ Tổng tham mưu Giải phóng Quân Trung Quốc. Giải phóng Quân Trung Quốc đã ra lệnh cho hai tỉnh giáp biên giới và Bộ chỉ huy quân sự các tỉnh và quân khu đảm bảo ổn định tình hình biên giới.<sup>11</sup> Mặc dù Bắc Kinh tuyên bố muốn giải quyết tranh chấp biên giới bằng hoà bình nhưng bạo lực ở biên giới vẫn gia tăng trong năm 1978.

---

<sup>8</sup> Đối với nghiên cứu về quyết định của Trung Quốc trong chiến tranh Triều Tiên, xem Shu Guang Zhang, *Mao's Military Romanticism: China and the Korean War, 1950–1953* (Lawrence, KS: University Press of Kansas, 1995), ch. 4; Chen Jian, *Mao's China and the Cold War* (Chapel Hill: University of North Carolina Press, 2001), ch. 4; and Xiaoming Zhang, *Red Wing over the Yalu: China, the Soviet Union, and the Air War in Korea* (College Station: Texas A&M University Press, 2002), ch. 3.

<sup>9</sup> Ross, *The Indochina Tangle*, các trang 118–123, 127–128. Người Trung Quốc cho rằng Trung Quốc không thể giữ nguyên mức độ trợ giúp Việt Nam như đã làm trong chiến tranh bởi vì kinh tế Trung Quốc đang phải đối mặt với những khó khăn rất lớn trong thời gian này. Xem Guo Ming, ed., *ZhongYue guanxi yanbian sishinian* [The Development of Sino-Vietnamese Relations in Forty Years] (Nanning, China: Guangxi renmin chubanshe, 1992), p. 114.

<sup>10</sup> Chen, *China's War*, các trang 35–36.

<sup>11</sup> Luo Yuansheng, *Baizhan jiangxing Wang Shangrong* [The Biography of General Wang Shangrong] (Beijing: Jiefangjun wenyi chubanshe, 1999), pp. 375–377; and Yang Qiliang et al., *Wang Shangrong jiangjun* [General Wang Shangrong] (Beijing: Dangdai Zhongguo chubanshe, 2000), p. 626.

Về phương diện lịch sử, những tranh chấp lãnh thổ là lý do phổ biến nhất cho chiến tranh giữa các nước.<sup>12</sup> Tuy nhiên, quyết định của Trung Quốc tấn công Việt Nam được hình thành do nhiều yếu tố đan xen. Bước đi đầu tiên của Trung Quốc về phía chiến tranh là khi Bộ Tổng tham mưu Giải phóng Quân đáp trả các sự cố biên giới ngày càng gia tăng giữa lúc diễn ra những tranh cãi về cộng đồng người Hoa ở Việt Nam giữa năm 1978. Vào ngày 12 tháng 8, quân đội Việt Nam đã bất ngờ tấn công một đội tuần tra biên giới của Trung Quốc gần Cửa khẩu Hữu nghị ở tỉnh Quảng Tây. Hai tuần sau đó cũng tại khu vực này, hơn 200 bộ đội Việt Nam đã chiếm đóng một đỉnh núi bên phía biên giới Trung Quốc và tăng cường thêm quân trấn giữ tại các cao điểm.<sup>13</sup> Các quan chức Trung Quốc xác định số lượng xung đột biên giới tăng từ 752 vụ năm 1977 lên 1.100 vụ năm 1978.<sup>14</sup> Quy mô của các vụ xung đột cũng lan rộng hơn. Đến trước tháng 8 năm 1978, hầu hết là những vụ đấu súng nhỏ với thương vong không đáng kể. Tính chất các vụ đụng độ vào tháng 8 tăng lên mức khốc liệt và chết người, cho thấy có sự tham gia của số lượng lớn quân đội Việt Nam. Từ tất cả những dấu hiệu trên cho thấy, xung đột biên giới leo thang là yếu tố đầu tiên thúc đẩy các nhà lãnh đạo Bắc Kinh xem xét phương án sử dụng lực lượng quân đội chống lại Việt Nam.

Vào tháng 9 năm 1978, Bộ Tổng tham mưu đã tổ chức một cuộc họp tại Bắc Kinh về vấn đề "làm thế nào giải quyết phần lãnh thổ của chúng ta bị quân đội Việt Nam chiếm đóng". Phó Tổng tham mưu trưởng Trương Tài Thiên (Zhang Caiqian) đã chủ trì cuộc họp với các sĩ quan từ Quân khu Quảng Châu và Côn Minh cũng như Cục tác chiến và Cục tình báo của Bộ Tổng tham mưu. Ngay từ đầu, Trương đã lưu ý rằng Bộ Tổng tham mưu phải tư vấn cho các lãnh đạo ĐCS TQ về cách thức đối phó với hành vi ngược đãi Hoa kiều của Hà Nội cùng những động thái khiêu khích ngày một tăng từ quân đội Việt Nam và lực lượng an ninh dọc theo biên giới Việt-Trung.<sup>15</sup> Ông ta đã đề cập đến hàng loạt sự kiện vào mùa hè năm 1978. Vào ngày 8 tháng 7, Tổng cục Chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam đã ra lệnh cho lực lượng của mình theo đuổi một "chiến lược tấn công" chống lại Trung Quốc và phát động "cuộc tấn công và phản công trong và ngoài biên giới".<sup>16</sup> Hai tuần sau đó, Hội nghị TW 4 của Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) đã xác định chủ nghĩa đế quốc

<sup>12</sup> John Vasquez and Marie T. Henehan, "Territorial Disputes and the Probability of War, 1816–1992," *Journal of Peace Research*, Vol. 38, No. 2 (2001), pp. 123–138.

<sup>13</sup> Guo, ed., *Zhongyue guanxi yanbian sishinian*, trang 169; Zhou, *Yige gaoji canmouzhang de zishu*, các trang 241–242.

<sup>14</sup> Han Huanzhi, chief ed., *Dangdai Zhongguo jundui de junshi gongzuo* [Contemporary Chinese Military Affairs] (Beijing: Zhongguo shehui kexue chubanshe, 1989), Vol. 1, p. 659.

<sup>15</sup> Zhou, *Yige gaoji canmouzhang de zishu*, các trang 239–240.

<sup>16</sup> Han Lianlong, chief ed., *Dangdai Zhongguo wajiao* [Contemporary Chinese Diplomacy] (Beijing: Zhongguo shehui kexue chubanshe, 1990), pp. 285–286.

Mỹ là "kẻ thù lâu dài" nhưng gọi Trung Quốc là "kẻ thù trực tiếp, nguy hiểm nhất", và là một "kẻ thù mới trong tương lai". Cùng thời điểm, một quân khu mới được thành lập ở Tây Bắc Việt Nam dọc theo tỉnh Vân Nam của Trung Quốc.<sup>17</sup> Bộ Tổng tham mưu Giải phóng Quân Trung Quốc nhận thấy một sự tương quan chặt chẽ giữa tình trạng thù địch mới của Hà Nội và mức độ căng thẳng biên giới ngày càng gia tăng. Các tài liệu hiện có mô tả vấn đề biên giới giống như "một phương diện thể hiện sự đối đầu hơn là một tranh chấp nghiêm trọng",<sup>18</sup> nhưng đối với Trung Quốc vấn đề biên giới là điểm kích hoạt cho những tính toán về một cuộc tấn công đối với Việt Nam.<sup>19</sup>

Từ thời điểm thành lập nước CHND Trung Hoa, các lãnh đạo Trung Quốc đã thể hiện khuynh hướng sử dụng lực lượng quân sự trong tranh chấp lãnh thổ với các nước khác. Giải phóng Quân Trung Quốc đã được sử dụng để duy trì tuyên bố chủ quyền chống lại Ấn Độ năm 1962 và Liên Xô năm 1969. Bộ Tổng tham mưu Giải phóng Quân Trung Quốc đã tiếp tục truyền thống này khi đề xuất một chiến dịch quân sự chống lại một trung đoàn quân Việt Nam đóng ở Trùng Khánh, một huyện biên giới tiếp giáp tỉnh Quảng Tây. Đề xuất của Bộ Tổng tham mưu được tính toán cẩn thận để tránh khả năng leo thang, khi điều này có thể đe dọa đến tiến trình cải cách kinh tế của Trung Quốc. Châu Đức Lễ (Zhou Deli), Tham mưu trưởng quân khu Quảng Châu, sau này kể lại Bộ Tổng tham mưu tin rằng vị trí cô lập của Trùng Khánh sẽ cho phép quân đội Trung Quốc chia cắt tiền đồn này của Việt Nam khỏi quân tiếp viện và dễ dàng tiêu diệt nó. Sau một ngày xem xét kỹ thông tin tình báo về các khả năng Việt Nam đưa quân vào Campuchia và thảo luận tình hình chung, hầu hết những người tham dự cuộc họp đều kết luận vấn đề hiện nay với Việt Nam không chỉ là vấn đề biên giới mà rằng bất cứ hành động quân sự nào cũng phải tạo ra tác động mạnh đến Việt Nam và tình hình ở Đông Nam Á. Họ đề xuất một cuộc tấn công vào một đơn vị quân đội thường trực Việt Nam trên một vùng địa lý rộng hơn. Mặc dù không đi đến quyết định cụ thể nào, hội nghị cũng đã hình thành tinh thần chung cho cuộc chiến mà sau này Trung Quốc rất cục đã tiến

---

<sup>17</sup> Vietnamese National Defense Ministry, Military History Institute, *Yuenan renminjun wushinian* [Fifty Years of Vietnamese People's Army], trans. by Liu Huanpu et al. (Beijing: Junshi Yiwen chubanshe, 1994), pp. 267–268.

<sup>18</sup> BrantlyWomack, *China and Vietnam: The Politics of Asymmetry* (New York: Cambridge University Press, 2006), p. 199.

<sup>19</sup> Một nghiên cứu gần đây lưu ý rằng từ năm 1949 đến năm 2007 Trung Quốc đã có 23 tranh chấp lãnh thổ với các nước láng giềng cả trên đất liền và dưới biển, đã sử dụng vũ lực trong 6 lần. Xem M. Taylor Fravel, *Strong Borders, Secure Nation: Cooperation and Conflict in China's Territorial Disputes* (Princeton, NJ: Princeton University Press, 2008), pp. 1–2.

hành chống lại Việt Nam, liên kết kế hoạch tấn công với hành động của chính Việt Nam tại Đông Nam Á.<sup>20</sup>

Thật không may, không có nguồn tài liệu nào của Trung Quốc lý giải Bộ Tổng tham mưu Giải phóng Quân Trung Quốc đã thay đổi kế hoạch chiến tranh trong các tháng tiếp theo như thế nào. Rõ ràng, các quan chức tại Bắc Kinh lo ngại các tư lệnh địa phương của Giải phóng Quân Trung Quốc có thể trở nên hung hăng quá mức khi ứng phó với các diễn biến biên giới đang ngày càng gia tăng và sẽ gây tổn hại cho kế hoạch chiến tranh của trung ương. Vào ngày 21 tháng 11, Quân ủy Trung ương của ĐCS TQ đã ra lệnh cho các tư lệnh quân khu tuân thủ chiến lược chính chống bá quyền Liên Xô khi xử lý các sự cố biên giới và ra lệnh cho tất cả các đơn vị biên giới ghi nhớ phương châm “hữu lý, hữu lợi, hữu tiết” (*youli, youli, youjie*), nghĩa là phù hợp với khả năng, có lợi và biết cách tiết chế hợp lý, chỉ chiến đấu sau khi quân địch đã tấn công.<sup>21</sup> Hai ngày sau đó, Bộ Tổng tham mưu triệu tập một cuộc họp khác để thảo luận về một kế hoạch chiến tranh mới. Xem xét đề xuất trước đó, Bộ Tổng tham mưu mở rộng phạm vi và thời gian cuộc chiến, mục tiêu là tiêu diệt một hoặc hai sư đoàn chính quy của Việt Nam trong một chiến dịch gần biên giới kéo dài 3 đến 5 ngày.<sup>22</sup> Một số người tham dự tin rằng tầm với của những chiến dịch này chưa đủ xa bởi vẫn chỉ giới hạn trong một vùng hẻo lánh và không đe dọa trực tiếp tới Hà Nội. Tuy nhiên, họ không lên tiếng phản đối mà tuân theo sự đánh giá của chỉ huy cấp cao. Bộ Tổng tham mưu đã ra lệnh cho Quân khu Quảng Châu và Côn Minh thực hiện chiến dịch và cho phép điều chuyển lực lượng dự bị chiến lược của Giải phóng Quân Trung Quốc, gồm hai tập đoàn quân của Quân khu Vũ Hán và Thành Đô, nhằm củng cố cho mặt trận Quảng Tây và Vân Nam.<sup>23</sup> Sau đó, kế hoạch chiến tranh đã được thay đổi đáng kể để đối phó với việc Việt Nam đưa quân vào Campuchia. Nhưng thực tế Bộ Tổng tham mưu Giải phóng Quân Trung Quốc phác thảo một chiến dịch quân sự lớn thậm chí trước cả khi lực lượng Việt Nam vượt sông Mekong đã cho thấy ý định ban đầu của cuộc chiến ít

---

<sup>20</sup> Zhou, *Yige gaoji canmouzhang de zishu*, các trang 242–243.

<sup>21</sup> “Zhongguo Renmin Jiefangjun Tongjian” Editorial Committee, *Zhongguo renmin jiefangjun tongjian* [A General Record of the PLA of China, 1927–1996], 3 vols. (Lanzhou, China: Gansu renmin chubanshe, 1997), Vol. 2, p. 2173.

<sup>22</sup> Trừ khi có trích dẫn khác, tất cả các thông tin chi tiết về kế hoạch xâm lược của Trung Quốc được cung cấp bởi Cai Pengcen, một sinh viên sau đại học ngành lịch sử tại Đại học Tây Nam ở Trung Quốc.

<sup>23</sup> Zhou, *Yige gaoji canmouzhang de zishu*, pp. 244–245; Zhang Zhen, *Zhang Zhen junshi wenxuan* [Selected Military Works of Zhang Zhen] (Beijing: Jiefangjun chubanshe, 2005), p. 298; and Wang Hancheng, *Wang Hancheng huiyilu* [Wang Hancheng Memoirs] (Beijing: Jiefangjun chubanshe, 2004), p. 535. Cả Zhang và Wang cho rằng quân đội từ Quân khu Vũ Hán và Thành Đô được xem là quân dự bị chiến lược của Giải phóng Quân Trung Hoa.

nhất là buộc Việt Nam chấp nhận các yêu sách của Trung Quốc về tranh chấp biên giới và trục xuất Hoa kiều.

## **Đặng trở lại trung tâm quyền lực**

Quan điểm của các nhà lãnh đạo Trung Quốc về kế hoạch chiến tranh như thế nào? Một bài phát biểu của Bí thư Quân ủy Trung ương Cảnh Tiều (Geng Biao) vào ngày 16/1/1979 đã làm sáng tỏ suy tính của Bắc Kinh về cách thức đối phó với việc Việt Nam đưa quân vào Campuchia. Vào tháng 11 năm 1978 Uông Đông Hưng (Wang Dongxing), Phó Chủ tịch ĐCSTQ, và Tô Chấn Hoa (Su Zhenghua), Chính ủy thứ nhất của hải quân và Ủy viên Bộ chính trị ĐCSTQ đưa ra ý kiến gửi binh sĩ Trung Quốc hoặc một đơn vị hải quân đến Campuchia. Hứa Thế Hữu (Xu Shiyou), tư lệnh của Quân khu Quảng Châu, đề nghị được phép tấn công Việt Nam từ Quảng Tây.<sup>24</sup> Cảnh Tiều thuật lại rằng sau khi xem xét kỹ lưỡng, các lãnh đạo ĐCSTQ đã phản đối tất cả các đề xuất.<sup>25</sup> King Chen cho rằng Cảnh Tiều chắc hẳn biết rõ Giải phóng Quân Trung Quốc đã bố trí quân đội dọc biên giới Việt Nam, và đã cố tình che dấu kế hoạch quân sự của Bắc Kinh.<sup>26</sup> Báo cáo của Cảnh Tiều cũng không tiết lộ vai trò của Đặng Tiểu Bình trong quá trình ra quyết định vì Đặng đã củng cố quyền lực trong khi ảnh hưởng chính trị của Uông và Tô suy yếu ở giai đoạn này.<sup>27</sup> Quyết định ban đầu của Trung Quốc về Việt Nam trùng với thời điểm bắt đầu chu kỳ đấu tranh quyền lực mới trong nội bộ ĐCSTQ.

Đặng Tiểu Bình, một nhà lãnh đạo đảng lâu đời và là một chính khách của Trung Quốc, nổi lên trở lại đấu trường chính trị Trung Quốc vào tháng 7 năm 1977 với vai trò Phó chủ tịch ĐCSTQ, Phó chủ tịch Quân ủy Trung ương, Phó Thủ tướng, và Tổng tham mưu trưởng Giải phóng Quân Trung Quốc. Ban đầu quyền lực của Đặng được khôi phục không đồng nghĩa với việc ông nắm uy thế áp đảo trong ĐCSTQ. Hoa Quốc Phong, chủ tịch của cả ĐCSTQ và Quân ủy Trung ương, được sự

---

<sup>24</sup> Điều này có lẽ xảy ra vào cuộc họp tháng 11 năm 1978 của Quân ủy Trung ương. Xem Zhang, *Zhang Zhen huiyilu*, Vol. 2, pp. 165–66; and Jin Ye, Hu Juchen, and Hu Zhaocai, *Baizhan jiangxing Xu Shiyou* [Biography of General Xu Shiyou] (Beijing: Jiefangjun wenyi chubanshe, 1999), pp. 329–331.

<sup>25</sup> Geng Biao, "Secret Report," 16 January, 1979, in *Studies on Chinese Communism*, No. 166 (15 October 1980), pp. 150–152.

<sup>26</sup> Chen, *China's War*, trang 87.

<sup>27</sup> Ye Yonglie, *Cong Hua Guofeng dao Deng Xiaoping: Zhongkang shiyijie sanzong quanhai qianhou* [From Hua Guofeng to Deng Xiaoping: Around the Third Plenum of the Eleventh Central Party Committee] (Hong Kong: Tiandi Books, 1998), pp. 526–527; Sun Dali, "A Historical Turning Point of New China: The Third Plenum of the Eleventh Central Committee," in Lin Zhijian, ed., *Xin Zhongguo yaoshi shuping* [Review of the Important Events of New China] (Beijing: Zhongyang wenxian chubanshe, 1994), p. 498; and Xiao Jinguang, *Xiao Jinguang huiyilu xuji* [Xiao Jinguang Memoirs: Continuation Edition] (Beijing: Jiefangjun chubanshe, 1988), pp. 361–363.



hậu thuẫn của Uông Đông Hưng, Phó Chủ tịch ĐCSTQ, vẫn còn kiểm soát Đảng và nhà nước và vẫn tiếp tục thực hiện nhiều ý tưởng và chính sách của cố lãnh đạo Mao Trạch Đông.<sup>28</sup> Diệp Kiếm Anh (Ye Jianying) vẫn còn phụ trách Quân ủy Trung ương. Đặng khi vừa trở lại cơ quan cấp cao đã tình nguyện phụ trách khoa học và giáo dục, lĩnh vực được xem như ít quan trọng hơn công tác Đảng và quân sự.<sup>29</sup> Từ tháng 8/1977 đến tháng 12 năm 1978, cuộc đấu tranh quyền lực giữa Hoa và Đặng ngày càng căng thẳng.<sup>30</sup> Với vị trí Tổng tham mưu trưởng Giải phóng Quân Trung Quốc, Đặng nắm rõ kế hoạch chiến tranh, nhưng dường như ông ta không chắc chắn liệu tấn công Việt Nam sẽ nhận được sự ủng hộ của toàn bộ Bộ Chính trị ĐCSTQ hay không. Hơn nữa, Đặng cần xem xét các mục tiêu Giải phóng Quân Trung Quốc có khả năng đạt được thông qua hành động quân sự ngoài việc đơn giản là trừng phạt Việt Nam. Trong một chuyến thăm Singapore vào đầu tháng 11/1978, đáp lại câu hỏi của Thủ tướng Lý Quang Diệu về việc liệu Trung Quốc sẽ dùng vũ lực tấn công lực lượng quân đội Việt Nam tại Campuchia hay không, Đặng đã tỏ ra ngần ngại khi trả lời. Có lần, ông nói với ông Lý rằng Trung Quốc sẽ trừng phạt Việt Nam, nhưng trong lần khác ông chỉ trả lời “cũng còn tùy”.<sup>31</sup>

Cán cân chính trị nghiêng về phía Đặng ngay sau khi ông trở về Bắc Kinh. Từ ngày 10 tháng 11 đến ngày 15 tháng 12, Hội nghị công tác trung ương đã diễn ra với sự tham dự của lãnh đạo các tỉnh, các quân khu, và Trung ương Đảng, chính phủ, và cơ quan quốc phòng. Chương trình nghị sự ban đầu tập trung vào các vấn đề trong nước – phát triển nông nghiệp và chính sách kinh tế trong các năm 1979 và 1980 – và không bao gồm tình hình Đông Dương, trái với khẳng định đã nêu của King Chen.<sup>32</sup> Cuộc họp đã có một bước ngoặt bất ngờ khi Trần Vân (Chen Yun), một nhà hoạch định kinh tế kế hoạch cho Mao, phát biểu vào ngày 12 tháng 11 nhấn mạnh họ trước tiên phải giải quyết các hậu quả để lại của Cách mạng Văn hoá. Chương trình nghị sự sau đó đã chuyển sang vấn đề phục chức cho các đảng viên cấp cao trước đây bị truy tố trong Cách mạng Văn hoá và sang hướng chỉ trích liên minh Hoa - Uông vì tiếp tục theo đuổi chính sách tư tưởng cực tả. Cuộc họp kết

---

<sup>28</sup> Hội nghị TW ba của Ủy ban Trung ương Đảng khóa 10, diễn ra từ ngày 16 đến ngày 21 tháng 7 năm 1977, dự kiến Hoa là Chủ tịch ĐCSTQ với đầy đủ quyền kiểm soát Đảng, Nhà nước, và quốc phòng. Diệp vẫn chịu trách nhiệm về quân đội, và Uông, người được thăng chức Phó Chủ tịch Đảng sau đó 1 tháng, chịu trách nhiệm về tổ chức Đảng, tuyên huấn, và an ninh. Xem Ye, *Cong Hua guofeng dao Deng Xiaoping*, các trang 222, 227, 235–236, 240.

<sup>29</sup> Deng Xiaoping, *Deng Xiaoping wenxuan* [Selected Works of Deng Xiaoping] (Beijing: Renmin chubanshe, 1983), Vol. 2, p. 65.

<sup>30</sup> Ye, *Cong Hua guofeng dao Deng Xiaoping*, pp. 222–226; and Sun, “A Historical Turning Point of New China,” pp. 478–480.

<sup>31</sup> Lee Kuan Yew, *From the Third World to First: The Singapore Story, 1965–2000* (New York: Anchor Press, 2000), pp. 601–602.

<sup>32</sup> Chen, *China's War*, trang 85.

thúc với quyết định triệu tập Hội nghị TW ba của Đại hội Đảng khoá 11, ở đây Trần Vân đã trở thành Phó Chủ tịch ĐCS TQ, củng cố vị thế chính trị của Đặng Tiểu Bình. Với bầu không khí chính trị thay đổi ở Bắc Kinh, các quyết định của Đặng dần trở lên có ảnh hưởng cao tại Trung Quốc.<sup>33</sup>

Một trong những quyết định quan trọng đầu tiên của Đặng, công bố tại Hội nghị TW ba, là chuyển ưu tiên quốc gia của Trung Quốc sang hiện đại hoá kinh tế và mở cửa ra thế giới bên ngoài.<sup>34</sup> Theo chương trình này, Hoa Kỳ đã được xem là nguồn chính để học tập các ý tưởng và công nghệ tiên tiến, đồng thời là tấm gương thích hợp nhất về hiện đại hoá. Cựu Thứ trưởng ngoại giao Trung Quốc Zhang Wenjin nhớ lại Đặng tin rằng nếu Trung Quốc chỉ mở cửa với các nước khác nhưng nói không với Hoa Kỳ thì chính sách mới sẽ không có hiệu quả.<sup>35</sup> Đến tháng 12 năm 1978, Bắc Kinh đã mời một số tập đoàn lớn của Hoa Kỳ để giúp đỡ phát triển tài nguyên thiên nhiên, dầu khí, và các ngành công nghiệp nặng khác ở Trung Quốc. Vấn đề chính sách đối ngoại không nằm trong chương trình nghị sự của Hội nghị công tác trung ương hay Hội nghị TW ba, nhưng tình hình chính trị trong nước và mối quan hệ xấu đi giữa Trung Quốc và Việt Nam (biểu trưng bởi liên minh mới Việt-Xô) thúc đẩy các nhà lãnh đạo sắp xếp một cuộc họp đặc biệt về vấn đề thiết lập quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ.<sup>36</sup> Nhân tố Mỹ đóng một vai trò quan trọng trong tư duy chiến lược của Trung Quốc trong giai đoạn trước khi tiến hành cuộc xâm lược Việt Nam.

## Nhân tố Liên Xô

Nghiên cứu của Qiang Zhai về mối quan hệ của Trung Quốc với Bắc Việt Nam trước tháng 4 năm 1975 lưu ý rằng nếu như các nhà lãnh đạo Trung Quốc trước đây luôn duy trì mối quan hệ cá nhân thân thiết với giới chức Việt Nam, thì Đặng ngược lại không có bất cứ sự "gắn bó cá nhân sâu nặng nào với Việt Nam". Đến cuối năm 1978, vì cảm thấy bị xúc phạm quá mức trước những dấu hiệu mà ông ta cho rằng Hà Nội đang thách thức lợi ích của Bắc Kinh, Đặng đã không "ngần ngại tiến hành

---

<sup>33</sup> Mặc dầu Uông vẫn còn giữ chức Phó Chủ tịch Đảng nhưng ông đã không còn kiểm soát Văn phòng TW Đảng hoặc Ban bảo vệ trung ương của Giải phóng Quân Trung Quốc. Ye, *Cong Hua Guofeng*, các trang 463–528.

<sup>34</sup> Deng Xiaoping, *Deng Xiaoping wenxuan* [Selected Works of Deng Xiaoping], Vol. 3 (Beijing: Renmin chubanshe, 1993), p. 269.

<sup>35</sup> Li Shen zhi, *Li Shen zhi wenji* [Collected Works of Li Shen zhi] (Beijing: n.p., 2004), p. 334.

<sup>36</sup> Qian Jiang, *Deng Xiaoping yu ZhongMei jianjiao fengyun* [Deng Xiaoping and the Establishment of Diplomatic Relationship between China and the United States] (Beijing: Zhonggong dangshi chubanshe, 2005), p. 153; Gong Li, *Deng Xiaoping yu Meiguo* [Deng Xiaoping and the United States] (Beijing: Zhonggong dangshi chubanshe, 2004), p. 236.

một cuộc chiến tranh để dạy cho Việt Nam một bài học."<sup>37</sup> Năm 1979, các lãnh đạo Việt Nam cũng đã cáo buộc Đặng chống lại những lợi ích của Việt Nam ngay cả trong thời kỳ chiến tranh Việt Nam. Lê Duẩn tuyên bố Đặng đã không chỉ cố gắng thuyết phục miền Bắc Việt Nam giảm bớt cuộc cách mạng ở miền Nam, mà còn ngăn miền Bắc Việt Nam không được nhận viện trợ từ Liên Xô, coi đây là điều kiện để Trung Quốc tiếp tục viện trợ cho Hà Nội.<sup>38</sup>

Tổng cộng Trung Quốc đã cung cấp cho Hà Nội 20 tỷ đô la viện trợ trong hai thập kỷ, nhiều hơn nguồn tiếp tế của bất kỳ quốc gia nào khác.<sup>39</sup> Khi chính quyền Việt Nam bắt đầu trục xuất Hoa kiều ở miền bắc Việt Nam và xâm phạm lãnh thổ Trung Quốc dọc theo biên giới, nhiều người Trung Quốc đã tức giận trước những hành vi mà họ coi là sự vô ơn của Hà Nội sau những viện trợ và hy sinh của họ. Trung Quốc đã chứng kiến một làn sóng giận dữ của công chúng chống lại Việt Nam do bộ máy tuyên truyền chính thống kích động.<sup>40</sup> Những người từng hỗ trợ những người cộng sản Việt Nam trong cuộc chiến tranh chống Pháp và Mỹ cảm thấy bị phản bội và sẵn sàng "dạy cho Việt Nam một bài học". Phó Thủ tướng Lý Tiên Niệm đã mô tả hành động quân sự của Trung Quốc giống như "một cái tát vào mặt [Việt Nam] để cảnh cáo và trừng phạt họ."<sup>41</sup> Đặng Tiểu Bình cũng không phải là ngoại lệ. Ông ta đã tỏ ý khó chịu với thái độ "vô ơn" của Việt Nam kể từ giữa những năm 1960.<sup>42</sup> Mặc dù tình trạng thù địch giữa Trung Quốc và Việt Nam trở nên căng thẳng trong cuối những năm 1970, Đặng trở nên ngày càng nhạy cảm, thậm chí một lần đã gọi Việt Nam là *wangbadan* (một từ mang nghĩa chửi thề - NBT) trước mặt một nhà lãnh đạo nước ngoài.<sup>43</sup> Như Raymond đã chỉ ra, trong một tình huống mà "ý định thù địch [tồn tại] ở cả hai bên, sự giận dữ và lòng thù hận [có khả năng] nảy sinh".<sup>44</sup> Điều mà Đặng nhìn nhận là "thái độ xấc xược" của Việt

<sup>37</sup> Qiang Zhai, *China and the Vietnam Wars, 1950–1975* (Chapel Hill: University of North Carolina Press, 2000), p. 214.

<sup>38</sup> "Comrade B on the Plot of the Reactionary Chinese Clique against Vietnam (1979)," trans. By Christopher E. Goscha, *The Cold War International History Project Bulletin*, No. 12/13 (Fall/Winter 2001), pp. 281, 284, 289. Xem thêm, Odd Arne Westad, et al, eds., "77 Conversations between China and foreign Leaders on the Wars in Indochina, 1964–1977," CWIHP Working Paper No. 22, Cold

War International History Project, Washington, DC, p. 57.

<sup>39</sup> Đây là thống kê chính thức của Trung Quốc nhưng cách thức tính toán thế nào thì chưa rõ ràng. Căn cứ theo nguồn tin có thẩm quyền của Trung Quốc, Trung Quốc cung cấp cho miền Bắc Việt Nam tổng cộng 4,26 tỷ nhân dân tệ bằng viện trợ quân sự từ năm 1950 đến năm 1974. Li Ke and Hao Shengzhang, *Wenhua dagemin zhong de jiefangjun* [The PLA in the Cultural Revolution] (Beijing: Zhonggong dangshi ziliao chubanshe, 1989), p. 409.

<sup>40</sup> Guo, ed., *ZhongYue guanxi*, trang 106.

<sup>41</sup> Luo, *Baizhan jiangxing Wang Shangrong*, trang 377.

<sup>42</sup> Xem Westad et al., eds., "77 Conversations," pp. 94–98, 194–195.

<sup>43</sup> Lee, *From the Third World*, trang 595.

<sup>44</sup> Raymond Aron, *Peace and War: A Theory of International Relations* (Garden City, NY: Anchor Press, 1973), p. 19.

Nam, cùng với các xung đột biên giới leo thang và cuộc di tản đang diễn ra của Hoa kiều, tất cả đã tạo ra "sự giận dữ và lòng thù hận" ở Bắc Kinh, và thúc đẩy chính phủ cân nhắc đến các phương án quân sự. Việc sử dụng lực lượng quân sự cũng phù hợp với tư duy chiến lược của vị lãnh đạo cao nhất này của Trung Quốc.

Sau khi quay lại nắm quyền lực, quan điểm chính sách đối ngoại của Đặng bắt đầu vẫn chịu ảnh hưởng theo tư duy chiến lược của Mao Trạch Đông, tức là coi công cuộc bành trướng toàn cầu và lực lượng quân sự của Liên Xô là mối đe dọa chính đối với hòa bình. Mặc dù Matxcova đã nỗ lực hòa giải với Trung Quốc trong năm 1977 và 1978, các nhà lãnh đạo Trung Quốc vẫn từ chối tin tưởng vào Liên Xô vì sự thù địch từ lâu giữa hai đất nước.<sup>45</sup> Liên Xô tiếp tục tăng cường quân đội mạnh mẽ gần Trung Quốc và thường xuyên tiến hành tập trận bằng đạn thật mô phỏng xung đột biên giới.<sup>46</sup> Bắt đầu từ đầu những năm 1970, Mao theo đuổi chiến lược "một đường ngang" (*yitiaoxian - nhất hoành tuyến*) trên toàn cầu, tức là một đường phòng thủ chiến lược chống lại Liên Xô kéo dài từ Nhật Bản sang châu Âu đến Mỹ. Cơ sở chiến lược "hoành tuyến" của Mao là dựa vào hợp tác chặt chẽ giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ. Tuy nhiên, Washington đã không hưởng ứng phương pháp này theo cách mà Bắc Kinh trông chờ. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã kết luận rằng Mỹ vẫn chủ yếu quan tâm đến chính sách hòa dịu (*détente*) với Liên Xô.<sup>47</sup>

Nỗi thất vọng của Trung Quốc tiếp tục trong suốt những năm đầu của nhiệm kỳ tổng thống Jimmy Carter khi ông chính thức tuyên bố sẽ dành ưu tiên cao hơn cho hoà dịu Xô-Mỹ. Đặng không thích chính sách cố gắng xoa dịu căng thẳng quốc tế thông qua đàm phán của Hoa Kỳ. Vào ngày 27 tháng 9 năm 1977, trong cuộc gặp với George H. W. Bush, cựu giám đốc văn phòng liên lạc của Mỹ tại Bắc Kinh, Đặng đã chỉ trích thỏa thuận kiểm soát vũ khí hạt nhân Xô-Mỹ vốn không ngăn được Liên Xô đạt được sức mạnh ngang bằng với Mỹ.<sup>48</sup> Vài tháng sau đó, vị lãnh đạo Trung Quốc nhắc lại những lời chỉ trích đó với Zbigniew Brzezinski, cố vấn an ninh quốc gia của chính quyền Carter, khi vị này đến thăm Bắc Kinh tháng 5 năm

---

<sup>45</sup> Ví dụ, trong tháng 3 năm 1978, lãnh đạo tối cao Liên bang Xô Viết gửi một tin nhắn cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội Nhân dân Trung Quốc đề nghị Liên Xô và Trung Quốc đưa ra tuyên bố hữu nghị về các quy tắc định hướng quan hệ giữa hai quốc gia. Người Trung Quốc đã công khai từ chối đề nghị này.

<sup>46</sup> Đối với quan điểm của Đặng về Liên Xô, xem Memorandum of Conversation, Brzezinski-Deng, 21 May 1978, in China Vertical File, Jimmy Carter Library (JCL).. Xem thêm Wang Zhongchun, "The Soviet Factor in Sino-American Normalization, 1969–1979," in William C. Kirby, Robert S. Ross, and Gong Li, eds., *Normalization of U.S.-China Relations: An International History* (Cambridge, MA: Harvard University Asia Center, 2005), pp. 165–166.

<sup>47</sup> Wang, "The Soviet Factor in Sino-American Normalization, 1969–1979," pp. 158–164.

<sup>48</sup> PRC Ministry of Foreign Affairs Archives, *Weiren de zuji: Deng Xiaoping wajiaohuodong dashiji* [The Footprints of a Great Man: The Record of Deng Xiaoping's Participation in Important Foreign Events] (Beijing: Shijie zhishi chubanshe, 1998), p. 158.

1978. Đặng cảnh báo Brzezinski về ý định của Liên Xô, cho rằng nước này sẽ gây hại cho Mỹ. Lãnh đạo Trung Quốc đã không tin rằng các thỏa thuận hoặc hợp tác với Liên Xô có thể ngăn chặn nước này bành trướng. Tuy nhiên, Brzezinski cho rằng chính sách của Trung Quốc chỉ đơn giản là "nói suông". Đặng không đồng ý và giải thích rằng Trung Quốc đã làm mọi điều trong khả năng của mình.<sup>49</sup> Khó có thể khẳng định rằng cuộc trao đổi này có ảnh hưởng tâm lý tới Đặng hay không, nhưng sau đó ông ta đã thừa nhận không muốn các nước khác nhận thức Trung Quốc yếu đuối khi đối đầu với liên minh Xô-Việt.<sup>50</sup> Hành động quân sự của Trung Quốc được dự kiến là nhằm chứng tỏ rằng Bắc Kinh không chỉ nói miệng nếu Trung Quốc và Hoa Kỳ thống nhất trong việc chống lại thái độ hung hăng của Liên Xô.<sup>51</sup>

Trong tháng 11, một số diễn biến phát sinh đã khiến Bắc Kinh càng thêm lo lắng. Đầu tiên, các nhà lãnh đạo Trung Quốc lo ngại về khả năng bình thường hoá hoặc cải thiện quan hệ giữa Hoa Kỳ và Việt Nam. Vào ngày 03 tháng 11, Lý Tiên Niệm đã lên tiếng không hài lòng trong một cuộc trò chuyện với Bộ trưởng Năng lượng Mỹ James Schlesinger, tuyên bố mối quan hệ gần gũi hơn với Việt Nam sẽ không kéo Việt Nam khỏi Liên Xô.<sup>52</sup> Trung Quốc tỏ ra nóng lòng muốn đẩy nhanh các cuộc đàm phán với Hoa Kỳ về việc thiết lập quan hệ ngoại giao và khôi phục các cuộc đàm phán vốn đã bị đình trệ hồi đầu tháng 7 năm 1978. Thứ hai, tăng cường quan hệ quân sự của Liên Xô với Việt Nam sau khi ký Hiệp ước Hòa bình và Hữu nghị Xô-Việt vào ngày 3 tháng 11 là tiếng chuông báo động với Bắc Kinh. Trung Quốc cho rằng Liên Xô đã hậu thuẫn Việt Nam đưa quân vào Campuchia và khuấy động căng thẳng biên giới phía Nam Trung Quốc.<sup>53</sup> Đối với Trung Quốc, Việt Nam đang trở thành một mối đe dọa quân sự nghiêm trọng, càng làm sâu sắc hơn mối đe dọa của Liên Xô từ phía Bắc. Trung Quốc cần tìm cách lập lại thế cân bằng chiến lược thông qua hành động quân sự chống lại "chủ nghĩa bá quyền khu vực" của Việt Nam.

---

<sup>49</sup> Memorandum of Conversation, Brzezinski-Deng, 21 May 1978.

<sup>50</sup> Kyodo News, 26 February 1979, in U.S. Foreign Broadcast Information Service, Daily Reports: China (FBIS-PRC), 26 February 1979, p. A6.

<sup>51</sup> Đặng Tiểu Bình tin rằng chiến tranh Việt Nam sẽ chỉ ra "Trung Quốc không bao giờ bị lừa phỉnh bởi những điều nguy hiểm [buxinxie]." Xem Deng Xiaoping, *Deng Xiaoping junshi wenji* [Collected Military Works of Deng Xiaoping] (Beijing: Junshi kexue chubanshe, 2004), Vol. 3, p. 177.

<sup>52</sup> Memorandum from Stansfeld Turner to Brzezinski, 21 November 1978, in NLC-26-57-1-6-4, JCL.

<sup>53</sup> Wang, "The Soviet Factor in Sino-American Normalization," p. 166. Nghiên cứu hiện có của phương Tây không đưa ra được bằng chứng về vai trò của Liên Xô trong việc Việt Nam quyết định đưa quân vào Campuchia. Xem Stephen J. Morris, *Why Vietnam Invaded Cambodia: Political Culture and the Causes of War* (Stanford, CA: Stanford University Press, 1999), pp. 215–217.

Ngày 7 tháng 12 Quân ủy Trung ương đã nhóm họp trong vài giờ và quyết định phát động một cuộc chiến tranh hạn chế "đánh trả" Việt Nam.<sup>54</sup> Tại cuộc họp một số lo ngại rằng Liên Xô có thể phản ứng bằng một cuộc tấn công trả đũa từ phía Bắc, đẩy Trung Quốc sa vào một cuộc chiến tranh hai mặt trận. Phân tích tình báo của Bộ Tổng tham mưu Giải phóng Quân Trung Quốc chỉ ra rằng Liên Xô sẽ có ba lựa chọn quân sự để đáp trả cuộc xâm lược này: (1) một cuộc tấn công quy mô lớn bao gồm cả tấn công trực tiếp vào Bắc Kinh, (2) xúi giục các phần tử dân tộc thiểu số lưu vong có vũ trang tấn công các vùng xa xôi của Trung Quốc ở Tân Cương và Nội Mông, và (3) sử dụng các vụ đụng độ nhỏ để kích động căng thẳng biên giới giữa hai nước. Mặc dù 54 sư đoàn của Liên Xô đã được triển khai dọc biên giới với Trung Quốc và Mông Cổ, Bộ Tổng tham mưu Giải phóng Quân Trung Quốc tính toán rằng hai phần ba trong những sư đoàn này thiếu quân số và trang bị không đầy đủ, Liên Xô không có đủ lực lượng để triển khai một cuộc can thiệp quân sự quy mô lớn ở Trung Quốc. Bất kỳ sự can thiệp nào cũng sẽ buộc Matxcơva không chỉ chuyển một số lượng lớn quân đội từ Châu Âu, mà còn đặt an ninh quốc gia của Liên Xô vào rủi ro lớn bởi khả năng đáp trả từ Hoa Kỳ là điều hoàn toàn có thể. Liên Xô không thể tấn công Trung Quốc từ phía Bắc mà không xem xét đến điều này.<sup>55</sup> Ngày 8 tháng 12 Quân ủy Trung ương đã ra lệnh cho Quân khu Quảng Châu và Côn Minh chuẩn bị sẵn sàng cho hành động quân sự chống lại Việt Nam trước ngày 10 tháng 1 năm 1979.<sup>56</sup>

## **Bình thường hoá quan hệ Trung-Mỹ**

Trong khi lực lượng Giải phóng Quân Trung Quốc chuẩn bị cho cuộc xâm lược Việt Nam, Đặng Tiểu Bình quyết định "đẩy nhanh tốc độ" các cuộc đàm phán về bình thường hóa quan hệ với Mỹ và nhận định "đó sẽ là lợi thế của chúng ta".<sup>57</sup> Chu Khải Trinh (Zhu Qizhen), Đại sứ Trung Quốc tại Hoa Kỳ, sau này nhớ lại rằng điểm vướng mắc lúc đó là "vấn đề bán vũ khí của [Hoa Kỳ] cho Đài Loan" và "nếu chúng ta cứ khăng khăng buộc Mỹ phải ngừng bán vũ khí cho Đài Loan, chúng ta có thể đánh mất cơ hội thiết lập quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ".<sup>58</sup> Chu không giải thích lý do tại sao việc thiết lập quan hệ ngoại giao với Mỹ lại thiết yếu với Trung Quốc đến

<sup>54</sup> Min Li, *ZhongYue zhanzheng shinian* [Ten Years of Sino-VietnamWar] (Chengdu, China: Sichuandaxue chubanshe, 1993), p. 15.

<sup>55</sup> Sách đã dẫn, các trang 16–17.

<sup>56</sup> Zhou, *Yige gaoji canmouzhang de zishu*, trang 246

<sup>57</sup> Qian, *Deng Xiaoping*, trang 151.

<sup>58</sup> ZhongWen and Lu Haixiao, eds., *Bainian Deng Xiaoping* [Hundred Years of Deng Xiaoping] Vol. 2 (Beijing: Zhongyang wengxian chubanshe, 2004), p. 160. Xem thêm Gong Li, "The Difficult Path to Diplomatic Relations: China's U.S. Policy, 1972–1978," in Kirby, Ross, and Li, eds., *Normalization of U.S.-China Relations*, p. 315.

như vậy vào thời điểm tháng 12 năm 1978. Các nhà nghiên cứu lịch sử Đảng Trung Quốc đã cho rằng ban lãnh đạo ĐCSTQ buộc phải nắm bắt cơ hội đưa ra quyết định vì họ đang lên kế hoạch cho một cuộc chiến tranh hạn chế chống lại Việt Nam và đã quyết định tập trung công tác của Đảng vào việc xây dựng và hiện đại hoá nền kinh tế.<sup>59</sup> Nhưng các sử gia này không cung cấp bất kỳ chi tiết nào. Từ các nguồn tư liệu sẵn có của Trung Quốc và các hồ sơ lưu trữ của Hoa Kỳ, có thể khẳng định một điều là các nhà lãnh đạo Trung Quốc, đặc biệt là Đặng Tiểu Bình, xem xét mọi diễn biến trong một bức tranh tổng thể.

Tháng 11 năm 1978 là một thời điểm quan trọng trong lịch sử bình thường hóa quan hệ Trung-Mỹ khi cả hai cùng tỏ thiện ý đi đến một thỏa thuận vào cuối năm. Đặng giữ vai trò đi đầu trong việc ủng hộ thiết lập quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ. Tại một cuộc họp của Bộ Chính trị ĐCSTQ vào ngày 2 tháng 11, ông đã chỉ đạo Bộ Ngoại giao thăm dò ý định của Hoa Kỳ về vấn đề bình thường hoá. Đặng lưu ý: "Chúng ta cần phải đẩy nhanh việc bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ về mặt kinh tế".<sup>60</sup> Đồng thời, nhà lãnh đạo Trung Quốc nhấn mạnh với các vị khách Mỹ rằng bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc "sẽ có nhiều lợi ích cho an ninh của Mỹ hơn bất kỳ hiệp ước kiểm soát vũ khí nào ký kết với Matxcova".<sup>61</sup> Tại cuộc họp đặc biệt vào ngày 27 tháng 11, Đặng nhấn mạnh "quan trọng là không để lỡ cơ hội" bình thường hoá quan hệ và đưa ra những chỉ dẫn liên quan đến các vòng đàm phán tiếp theo.<sup>62</sup> Ông ta dường như đã quyết tâm với chủ trương này mặc dù một số vấn đề tiềm ẩn nguy cơ vẫn còn bỏ ngỏ. Vào đầu tháng 12, Đặng phát biểu với lãnh đạo đảng một số tỉnh và tư lệnh một số Quân khu rằng Trung Quốc và Hoa Kỳ sẽ thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 1 tháng 1 năm 1979. Ông không muốn nhìn thấy người Mỹ "vẫy đuôi tự mãn" (*qiaoweiba*) nên đã không trực tiếp tham gia vào các cuộc đàm phán cho đến khi Hội nghị công tác trung ương kết thúc.<sup>63</sup>

Điểm tranh cãi mấu chốt vẫn là về vấn đề Hoa Kỳ bán vũ khí cho Đài Loan sau khi quan hệ với Trung Quốc được bình thường hóa. Phía Trung Quốc hiểu từ tuyên bố cứng rắn của Tổng thống Carter với Sài Trạch Dân (Chai Zemin), giám đốc Văn phòng liên lạc Trung Quốc ở Washington vào tháng 9 năm 1978, rằng Hoa Kỳ sẽ tiếp tục cung cấp cho Đài Loan vũ khí phòng vệ.<sup>64</sup> Ngày 4 tháng 12, nhà đàm

<sup>59</sup> Gong, "The Difficult Path to Diplomatic Relations," p. 140.

<sup>60</sup> Leng Rong and Wang Zuoling, eds., *Deng Xiaoping nianpu* [Chronicle of Deng Xiaoping's life, 1975–1979] (Beijing: Zhongyang wenxian chubanshe, 2004), Vol. 1, p. 417.

<sup>61</sup> Patrick Tyler, *A Great Wall: Six Presidents and China—An Investigative History* (New York: A Century Foundation Book, 1999), p. 260.

<sup>62</sup> Wang Taiping, ed., *Zhonghua renmin gongheguo waijiaoshi* [Diplomatic History of the PRC] (Beijing: Shijie zhishi chubanshe, 1999), Vol. 3, p. 378.

<sup>63</sup> Qian, *Deng Xiaoping*, p. 156.

<sup>64</sup> Memcon, Carter-Chai, 19 September 1978, in China Vertical File, JCL.

phán Trung Quốc đã chính thức "phản đối mạnh mẽ" quan điểm này. Các quan chức Hoa Kỳ tin rằng sự phản đối này chỉ liên quan đến vấn đề bán vũ khí và Trung Quốc sẽ không tìm cách ngăn cản quá trình bình thường hóa.<sup>65</sup> Niềm tin này chẳng bao lâu sau đã gây ra sự lúng túng tại Washington cũng như Bắc Kinh.

Trong tháng 11, các nhà hoạch định chính sách Hoa Kỳ cố gắng xác định cách soạn thảo ra những điều khoản cuối cùng của hiệp định thành lập quan hệ ngoại giao như thế nào. Giới chức cấp cao của Trung Quốc về phần mình đang có ý định loại bỏ lực lượng cực tả tại Hội nghị công tác trung ương, và bản thân Đặng đang cân nhắc các đường lối chính sách cho việc thúc đẩy cải cách trong nước và mở cửa ra thế giới.<sup>66</sup> Trong đầu tháng 12, Đặng cũng đã ký lệnh huy động lực lượng Giải phóng Quân Trung Quốc tấn công Việt Nam.<sup>67</sup> Trong bối cảnh của những sự kiện này, Đặng đã tự mình đứng ra chỉ đạo các cuộc đàm phán, tổ chức bốn cuộc hội đàm với Leonard Woodcock, giám đốc văn phòng liên lạc của Mỹ tại Bắc Kinh, từ ngày 13 đến ngày 15 tháng 12 năm 1978. Theo báo cáo của Woodcock về các cuộc thảo luận, Đặng không đưa ra chỉ dấu cho thấy ông ta sẽ chấp nhận việc bán vũ khí của Hoa Kỳ cho Đài Loan. Khi Woodcock phát biểu Hoa Kỳ sẽ "kiềm chế bán vũ khí cho Đài Loan" sau khi Hiệp ước Quốc phòng Mỹ-Đài hết hiệu lực vào năm 1979, Đặng hiểu lầm rằng điều này có nghĩa là Hoa Kỳ sẽ không bao giờ bán vũ khí cho Đài Loan nữa.<sup>68</sup>

Vào thời điểm ngay trước khi công bố thỏa thuận bình thường hoá, Đặng phát hiện ra Mỹ có ý định tiếp tục bán vũ khí cho Đài Loan sau khi thiết lập quan hệ với Trung Quốc. Nhà lãnh đạo Trung Quốc phản đối mạnh mẽ nhưng đồng ý chấp nhận đề nghị của nhà đàm phán Hoa Kỳ Woodcock là cả hai bên có thể "tiếp tục thảo luận về vấn đề khúc mắc này sau và tránh ảnh hưởng đến việc đưa ra thông cáo (Thượng Hải)".<sup>69</sup> Các học giả Trung Quốc cho rằng quyết định không "quá chấp nhật" về vấn đề bán vũ khí của Đặng Tiểu Bình là phù hợp với các mục tiêu chiến lược và trong nước của ông.<sup>70</sup> Việc Giải phóng Quân Trung Quốc chuẩn bị cho một cuộc xâm lược vào Việt Nam được thiết kế một phần để thúc đẩy chiến lược "hoành tuyến" của Đặng nhằm chống lại chủ nghĩa bành trướng của Liên Xô. Lí Thận Chi

<sup>65</sup> Memorandum from Brzezinski to Carter, 5 December, 1978, in China, Box 9, Brzezinski File, JCL.

<sup>66</sup> Ngày 5, 9, và 11 tháng 12, Đặng đã dùng nửa ngày với người viết diễn văn của ông để rà soát lại các nội dung cuối cùng mà ông sẽ phát biểu trong Hội nghị công tác trung ương dự kiến trong ngày 13 tháng 12. Xem Leng and Wang, eds., *Deng Xiaoping nianpu*, Vol. 1, pp. 448–449.

<sup>67</sup> Min, *ZhongYue zhanzheng shinian*, trang 18.

<sup>68</sup> Woodcock to Vance, 13 December 1978, and Woodcock to Brzezinski, 14 December 1978, in China Vertical File, JCL.

<sup>69</sup> Woodcock to Brzezinski, 15 December 1978, in China Vertical File, JCL.

<sup>70</sup> Li Jie, "China's Domestic Politics and the Normalization of Sino-U.S. Relations, 1969–1979," in Kirby, Ross, and Li, eds., *Normalization of U.S.-China Relations*, p. 87.



(Li Shenzhi), cố vấn chính sách đối ngoại của Đặng, sau đó đã giải thích rằng vị lãnh đạo Trung Quốc coi cuộc tấn công vào một đồng minh của Liên Xô là "một nước đi quan trọng" để chứng tỏ rằng lợi ích quốc gia của Trung Quốc nhất quán với của Hoa Kỳ.<sup>71</sup> Theo quan điểm của Bắc Kinh, sự kiện thành lập quan hệ ngoại giao ngày 1 tháng 1 năm 1979 với Washington đã làm thay đổi ưu thế cán cân quyền lực nghiêng về phía Trung Quốc.<sup>72</sup>

## **Đặng Tiểu Bình ra quyết định**

Một số học giả cho rằng một vài lãnh đạo Trung Quốc đã phản đối quyết định tấn công Việt Nam, nhưng không thống nhất đó là những nhà lãnh đạo nào cũng như cách thức họ phản đối.<sup>73</sup> Không thể tiếp cận những lưu trữ của Trung Quốc về vấn đề này, và những ấn phẩm hiện có của Trung Quốc cũng gần như không cung cấp được nhiều manh mối. Trong năm 1978, ngoài Hoa, Đặng, Trần và Uông, giới lãnh đạo quyền lực khác của Trung Quốc còn bao gồm Nguyên soái Diệp Kiếm Anh và Lý Tiên Niệm (Li Xiannian), cũng như Nguyên soái Từ Hướng Tiền (Xu Xiangqian) và Nhiếp Vinh Trăn (Nie Rongzhen), lúc này giữ chức Phó Chủ tịch của Quân ủy Trung ương. Thật không may, các cuốn tiểu sử được xuất bản và những ghi chép về cuộc đời của họ không đề cập đến vai trò của Diệp, Lý, và Nhiếp trong cuộc chiến tranh của Trung Quốc đối với Việt Nam, mặc dù cả ba đều có sự nghiệp hoạt động lâu dài gắn với Giải phóng Quân Trung Quốc.<sup>74</sup> Trong cuộc phỏng vấn với các nhà báo nước ngoài, Lý là người lên tiếng ủng hộ chiến tranh mạnh mẽ nhất.<sup>75</sup> Nhưng một số nhà cách mạng lão thành khác tỏ ra không hài lòng với sự thay đổi mạnh mẽ trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Các tác giả của tiểu sử Nguyên soái Từ Hướng Tiền đã chỉ ra rằng vị Bộ trưởng quốc phòng đã phản đối chiến lược đường ngang liên kết với Hoa Kỳ.<sup>76</sup> Về phần Nguyên soái Diệp, có thông tin cho thấy ông

<sup>71</sup> Li, *Li Shengzhi wenji*, trang 335.

<sup>72</sup> Geng, "Secret Report," p. 149.

<sup>73</sup> Chen, *China's War*, pp. 85–87; Ross, *Indochina Tangle*, pp. 23–31; Scobell, *China's Use of Military Force*, pp. 130–132.

<sup>74</sup> Ví dụ, xem Liu Jixian et al., eds., *Ye Jianying nianpu* [Chronicle of Ye Jianying's Life] (Beijing: Zhongyang wenxian chubanshe, 2007); Fan Shuo, chief ed., *Ye Jianying zhuan* [Biography of Ye Jianying] (Beijing: Dangdai Zhongguo chubanshe, 1997); Zhuo Junlun, chief ed., *Nie Rongzhen nianpu* [Chronicle of Nie Rongzhen's Life] (Beijing: Renmin chubanshe, 1999); Zhu Yu, chief ed., *Li Xiannian zhuan, 1909–1949* [Biography of Li Xiannian] (Beijing: Zhongyang wenxian chubanshe, 1999).

<sup>75</sup> China News Agency International Reference Group, *Woguo dui Yuenan ziwei huanjizhan ziliaoji* [Collected Materials of Our Country's Self-Defense Counterattack against Vietnam, 17 February–19 March 1979] (Beijing: China News Agency International Reference Group, 1979), pp. 16–17.

<sup>76</sup> Liu Zhi and Zhang Lin, eds., *Xu Xiangqian zhuan* [Biography of Xu Xiangqian] (Beijing: Contemporary China Press, 1997), pp. 549, 553–554.

đã phản đối quyết định sử dụng vũ lực quân sự chống lại Việt Nam của Đặng.<sup>77</sup> Vì vậy, Diệp đã đến Thượng Hải và không tham dự cuộc họp vào dịp năm mới của Bộ Chính trị ĐCSTQ với nội dung thảo luận dự kiến là đề nghị chiến tranh của Đặng.<sup>78</sup>

Hội nghị TW ba của ĐCSTQ đã đặt Đặng ở vị trí số 3 trong các nhà lãnh đạo Trung Quốc sau Hoa, lãnh đạo danh nghĩa của đảng, và Diệp, đã có tuổi và đã chuyển giao trách nhiệm quân sự cho Đặng. Sau khi Mao, Chu Ân Lai, Chu Đức đều đã mất, thì Đặng - như hai Nguyên soái Bành Đức Hoài và Lâm Bưu trước đó - được các sĩ quan Giải phóng Quân Trung Quốc xem là vị Tổng tư lệnh.<sup>79</sup> Ngay cả Diệp đã từng thừa nhận rằng Đặng không chỉ là một lão soái (*lao shuai*) mà còn là "người đứng đầu của các lão soái".<sup>80</sup> Thâm niên và uy tín của Đặng trong ĐCSTQ và quân đội đồng nghĩa với việc những quyết định của ông trong vai trò kiến trúc sư trưởng của cuộc xâm lược Việt Nam sẽ không thể bị thách thức. Diệp có chung quan điểm chiến lược với Đặng và cũng đồng tình ủng hộ Campuchia bằng những luận điệu được chính phủ Trung Quốc sử dụng.<sup>81</sup> Khi phản đối của mình với chiến lược "nhất hoành tuyến" không nhận được sự đồng thuận, Từ cuối cùng đã quay sang ủng hộ cho quyết định chiến tranh và tham gia lập kế hoạch chiến tranh. Thêm nữa, quyền kiểm soát đối với Bộ Tổng tham mưu Giải phóng Quân Trung Quốc đã trao cho Đặng một phương tiện thuận lợi cho quá trình lập kế hoạch quân sự mà ông đã ép Quân ủy Trung ương thông qua một tháng trước khi giới lãnh đạo trung ương ĐCSTQ đưa ra quyết định chính thức.<sup>82</sup>

Mặc dù có quyền lực và uy tín trong đảng, Đặng vẫn cần thuyết phục các đồng nghiệp tại sao Trung Quốc nên sử dụng vũ lực đối với Việt Nam. Ông đưa ra ba lý do.

Thứ nhất, cuộc đấu tranh chống bá quyền quốc tế hiện nay đối với Liên Xô đang bị suy yếu do Mỹ, Nhật Bản và Châu Âu e ngại sẽ làm bùng nổ một cuộc chiến

<sup>77</sup> Nguồn tin của tôi cho biết rằng sự phản đối của Diệp trong cuộc chiến chống Việt Nam được thúc đẩy bởi một thành viên trong gia đình ông.

<sup>78</sup> Liu et al., eds., *Ye Jianying nainpu*, trang 1165.

<sup>79</sup> Vào buổi tối liên hoan ngày thành lập Giải phóng Quân năm 1977, khi hình ảnh của Đặng được chiếu lên màn hình lớn, tất cả những người tham gia khóc vì vui mừng và đáp lại bằng tràng pháo tay nồng nhiệt. Vì Đặng không phải là tổng tư lệnh quân đội, Lãnh đạo Trung ương xem việc này là một sự kiện chính trị nghiêm trọng và ban hành một Thông tư chỉ trích nó như một hành động bỏ qua các quy tắc và kỷ luật của Đảng. Theo báo cáo, Tổng cục Chính trị đã từ chối phổ biến thông tư tới các đơn vị cấp dưới. Zhang Sheng, *Cong zhanzheng zhong zoulai: Liangdai junren de duihua* [Coming from the War: A Dialogue between Two Generations of Soldiers] (Beijing: China Youth Press, 2007), pp. 412–413.

<sup>80</sup> Ye, *Cong Hua Guofeng*, trang 212.

<sup>81</sup> Liu et al., eds., *Ye Jianying*, các trang 1158, 1165.

<sup>82</sup> Liu Huaqing nhớ lại khi ông là trợ lý cho Tổng tham mưu trưởng vào đầu năm 1979, Bộ Tổng tham mưu luôn luôn gửi các tài liệu quan trọng cho Đặng phê duyệt. Xem *Liu Huaqing huiyi lu* [Memories of Liu Huaqing] (Beijing: PLA Press, 2004), p. 394.

tranh. Trong bối cảnh Việt Nam đưa quân vào Campuchia và khiêu khích dọc theo biên giới Trung Quốc, bản thân Trung Quốc phải đóng vai trò đi đầu trong cuộc đấu tranh này. Đặng lập luận mục đích của "phản công phòng vệ" không đơn thuần nhằm vào một cuộc tranh chấp biên giới mà còn hướng tới tình hình rộng hơn trong khu vực Đông Nam Á và thậm chí là trên toàn thế giới.

Thứ hai, Đặng khẳng định rằng Trung Quốc cần một môi trường an toàn và vững vàng cho bốn chương trình hiện đại hóa của mình. Trung Quốc không thể cho phép bản thân bị đe dọa bởi Liên Xô từ phía bắc và Việt Nam từ phía nam vì điều đó sẽ "bóp nghẹt chúng ta". Ông tin rằng Trung Quốc nên vạch trần lời khoa trương rỗng tuếch "lực lượng quân sự mạnh thứ ba thế giới" và "bách chiến bách thắng" của Việt Nam. Đặng tuyên bố nếu Trung Quốc không hành động, Việt Nam chắc chắn sẽ càng được đà hưng hăng và có thể khuyến khích Liên Xô lấn tới từ phía Bắc. Cuộc phản công của Trung Quốc bởi vậy cũng như một lời cảnh báo gửi đến Liên Xô.

Thứ ba, Đặng lập luận rằng Giải phóng Quân Trung Quốc đã không tham chiến trong suốt 30 năm, vì thế lãnh đạo Trung Quốc không thể "chắc chắn rằng quân đội của chúng ta vẫn còn tinh nhuệ". Ông đồng ý với quyết định trước đó không lâu của Quân ủy Trung ương về tăng cường huấn luyện quân đội nhưng tin rằng kinh nghiệm thực chiến sẽ bổ ích hơn. Đặng lo lắng về uy tín của quân đội Trung Quốc vốn đã phải chịu đựng rất nhiều tai tiếng trong những năm gần đây từ cuộc Cách mạng Văn hóa. Ông đoán chắc thành công của cuộc chiến tranh chống Việt Nam sẽ giúp khôi phục lại thanh danh của quân đội Trung Quốc và bồi dưỡng thêm được nhiều sĩ quan dày dạn kinh nghiệm chiến tranh.<sup>83</sup>

Tại một cuộc họp Bộ Chính trị ĐCSTQ mở rộng ngày 31 tháng 12 năm 1978, Đặng chính thức đề nghị một cuộc chiến tranh trừng phạt đối với Việt Nam.<sup>84</sup> Rõ ràng bị tác động bởi việc Việt Nam đưa quân vào Campuchia, những người tham dự cuộc họp không chỉ chấp thuận lời đề nghị của Đặng cho mở các cuộc tấn công vào Lạng Sơn, Cao Bằng và Lào Cai mà còn đề xuất thêm một vài thay đổi cho kế hoạch chiến tranh ban đầu, bao gồm triển khai hai tập đoàn quân bổ sung tấn công Điện Biên Phủ từ Mảnh Lạp, Vân Nam, qua Lào để tăng áp lực đe dọa trực tiếp hơn đến Hà Nội. Bộ Chính trị cũng quyết định mở rộng thời gian chiến dịch từ mười lăm lên

---

<sup>83</sup> Đặng đã đưa ra những ý kiến này tại cuộc họp Ủy ban Trung ương ngày 16 tháng 3 năm 1979 vốn thảo luận nhu cầu tấn công dọc theo biên giới Việt-Trung. Bản đầy đủ có tại <http://wenku.baidu.com/view/d4c5afeb172ded630b1cb607.html>. Trích đoạn có trong *Deng Xiaoping nianpu*, Tập 1, các trang 492–493.

<sup>84</sup> Zhang, *Huiyilu*, Tập 2, trang 166.

hai mươi ngày nhằm tiêu diệt ba đến năm sư đoàn Việt Nam.<sup>85</sup> Từ tất cả các dấu hiệu này cho thấy, những người tham dự, bao gồm cả Hoa Quốc Phong, đều nhất trí ủng hộ đề nghị của Đặng.<sup>86</sup> Tại cuộc họp, Đặng chỉ định Hứa Thế Hữu (Xu Shiyou) chỉ huy chiến dịch từ cánh đông Quảng Tây và Dương Đắc Chí (Yang Dezhi) (tư lệnh Quân khu Vũ Hán) chỉ đạo chiến dịch từ phía tây Vân Nam, tránh dùng Vương Tất Thành (Wang Bicheng), tư lệnh Quân khu Côn Minh.<sup>87</sup>

Lý do thay đổi chỉ huy ở Vân Nam đã không được tiết lộ.<sup>88</sup> Sau khi quay lại quyền lực, Đặng ngày càng lo ngại về phẩm chất chính trị của quân đội Trung Quốc, đặc biệt về lòng trung thành của các quan chức quân đội cấp cao. Thanh trừng chính trị kể từ cuối những năm 1950 và trong 10 năm Cách mạng Văn hóa (1966-1976) đã gieo mầm mống chia rẽ trong hàng ngũ các tướng lĩnh kỳ cựu và khiến nhiều thành viên nung nấu bất bình chống những thành viên khác. Từ ngày 20 tháng 12 năm 1978 đến ngày 3 tháng 1 năm 1979, một cuộc họp Quân ủy Trung ương mở rộng với sự tham dự của các sĩ quan cấp cao từ 3 tổng hành dinh và từ tất cả quân khu và binh chủng đã tan rã trong giận dữ khi những người tham gia buộc tội nhau quyết liệt. Nguyên soái Hứa đã không thể giữ trật tự và Đặng đã phải kết thúc cuộc họp mà không đạt được bất kỳ nhất trí nào.<sup>89</sup> Zhang Sheng, quan chức trong Bộ Tổng Tham mưu và là con trai của một lãnh đạo quân sự cấp cao của quân đội Trung Quốc - tướng Trương Ái Bình, cũng có mặt trong cuộc họp và sau này ông đã khẳng định nếu không có cuộc chiến với Việt Nam một vài tuần sau đó, tình trạng hỗn loạn trong đội ngũ quan chức quân sự cấp cao có thể còn tiếp tục. Quân đội Trung Quốc vào năm 1979 rõ ràng không phải là lực lượng quân sự có khả năng chiến đấu như trong chiến tranh Triều Tiên và trong xung đột biên giới với Ấn Độ và Liên Xô. Zhang cho rằng Đặng có lẽ đã sử dụng cuộc chiến chống

<sup>85</sup> Thêm hai tập đoàn quân là tập đoàn quân thứ 50 từ Quân khu Thành Đô và thứ 54 từ Quân khu Vũ Hán. Cả hai nhận được lệnh huy động ngày 5 tháng 1 năm 1979. Cai Pengcen, "Those Events Happened in 1979," [http://blog.sina.com.cn/s/blog\\_476745f601008im7.html](http://blog.sina.com.cn/s/blog_476745f601008im7.html).

<sup>86</sup> Diệp Kiếm Anh đang trong kỳ nghỉ tại Thượng Hải vào thời điểm cuộc họp nên đã không tham gia. Xem Liu Jixian et al., eds., *Ye Jianying nainpu*, p. 1165.

<sup>87</sup> Jin, Hu, and Hu, *Baizhan jiangxing Xu Shiyou*, p. 332; and Wang Xuan, *Mao Zedong zhi jian: Minjiang zhixing Xu Shiyou* [The Sword of Mao Zedong: A Star General Xu Shiyou] (Nanjing: Jiangsu renmin chubanshe, 1996), p. 132.

<sup>88</sup> Sự thay đổi chỉ huy đã được đồn đại một phần do quan hệ xấu giữa cá nhân Xu và Wang. Hai tướng đã tranh giành nhau trong chiến thắng chống lại một đơn vị chủ lực Quốc Dân đảng thời kỳ nội chiến. Sau đó, vào năm 1966 trong cuộc Cách mạng Văn hóa, khi Wang là Phó Tư lệnh của Xu tại Quân khu Nam Ninh, ông đã công khai ủng hộ phe chính trị địa phương chống lại Xu. Xu dường như vẫn còn bức bối và khuyên Đặng thực hiện thay đổi chỉ huy.

<sup>89</sup> Sau khi nghe báo cáo miệng văn tắt về hội nghị từ Xu, Yang Yong và Wei Guoqing (Tổng cục trưởng Tổng cục chính trị), Đặng đã thực hiện 4 điểm. Đầu tiên, các thành viên của nhóm đứng đầu phải đoàn kết; thứ hai, vấn đề bè phái trong giới lãnh đạo phải được loại bỏ; thứ ba, tất cả vấn đề phải được xử lý bởi các cuộc họp của Quân ủy TW; và thứ tư, các chính sách phục hồi phải được thực hiện. Xem Leng và Wang, eds., *Deng Xiaoping nianpu*, Tập 1, trang 459-460.

lại Việt Nam để tái khẳng định quyền kiểm soát quân đội.<sup>90</sup>

Một loạt các thay đổi trong giới lãnh đạo quân đội Trung Quốc đầu năm 1980 thoạt đầu có thể khiến nhiều người tin rằng cuộc chiến tranh năm 1979 với Việt Nam đã tạo cơ hội cho cuộc tái cơ cấu này, nhưng trên thực tế việc sắp xếp lại đội ngũ quân đội Trung Quốc cùng với hệ thống chỉ huy của nó đã được xem xét cẩn thận trước chiến tranh. Thành tích chiến tranh thảm hại của Giải phóng Quân Trung Quốc càng củng cố nhu cầu thay đổi toàn diện.<sup>91</sup> Cuộc cải tổ về sau này lại không liên quan tới quyết định thay đổi chỉ huy vào thời điểm trước chiến tranh khi Đặng cử hai phó tướng của mình đến Côn Minh để giám sát quá trình di chuyển và chuẩn bị chiến tranh.<sup>92</sup> Tại Bắc Kinh, vị lãnh đạo Trung Quốc đã bố trí hai phụ tá, Dương Dũng (Yang Yong) và Vương Thượng Vinh (Wang Shangrong) để phối hợp các chiến dịch quân sự của hai Quân khu khi hai bên thực hiện nhiệm vụ của mình một cách độc lập.<sup>93</sup>

Mặc dù Đặng ngày càng được nhìn nhận là nhà lãnh đạo tối cao giống như Mao, ông vẫn phải tham khảo ý kiến của các đồng sự cấp cao đáng tin cậy trước khi đưa ra quyết định. Họ đã lưu ý một số điểm rủi ro chính, đó là Liên Xô có thể sẽ khởi động một cuộc tấn công trả đũa vào Trung Quốc; Mỹ sẽ lợi dụng tình hình này để đục nước béo cò; dư luận thế giới sẽ lên án Trung Quốc; và cuộc chiến với Việt Nam sẽ cản trở tiến trình hiện đại hoá kinh tế của Trung Quốc.<sup>94</sup> Đặng đã mời một trong những đồng sự thân tín nhất của mình, Trần Vân, để cân nhắc những mặt lợi và hại khi tiến hành một cuộc chiến tranh chống lại Việt Nam. Sau khi nghiên cứu vấn đề này, Trần không chỉ tán thành hoàn toàn mà còn khẳng định chắc chắn như đinh đóng cột.<sup>95</sup> Ông rõ ràng đã thuyết phục Đặng rằng một hoạt động quân sự phòng thủ có giới hạn và nhanh gọn chống lại Việt Nam sẽ không khiêu khích Matxcova can thiệp và gần như không tác động tới cải cách kinh tế trong nước.

Để ngăn chặn tình hình vượt ra khỏi tầm kiểm soát, Bộ Chính trị ĐCSTQ sau đó quyết định rằng cho dù kết quả đạt được trên các trận chiến là gì thì sau khi chiếm được trung tâm hai tỉnh biên giới Việt Nam - Lạng Sơn và Cao Bằng - các lực lượng Giải phóng Quân Trung Quốc sẽ ngừng tiến công, chấm dứt giao tranh và rút

<sup>90</sup> Xem Zhang, *Cong zhanzheng zhong zoulai*, trang 415.

<sup>91</sup> Leng và Wang, eds., *Deng Xiaoping nianpu*, Tập 1, trang 492.

<sup>92</sup> "Lecture Notes on the 1979 Counterattack in Self-defense on the Sino-Vietnamese Border," in "ZhongYue zhangzhen beiwanglu."

<sup>93</sup> Jiang Feng et al., *Yang Yong jiangjun zhuan* [Biography of General Yang Yong] (Beijing: Jiefangjun chubanshe, 1991), p. 495; and Luo, *Wang Shangrong*, p. 377.

<sup>94</sup> Zhou, *Xu Shiyou de suihuo yizhan*, trang 16.

<sup>95</sup> Zhu Jiamu, *Chen Yun nianpu* [A Chronicle of Chen Yun's Life, 1905–1995] (Beijing: Zhongyang wenxian chubanshe, 2000), Vol. 2, pp. 235–236.

lui.<sup>96</sup> Cam kết chỉ triển khai một cuộc chiến tranh ngăn ngày được đưa ra nhằm xoa dịu lo ngại và làm suy yếu ý kiến phản đối trong nước. Tuy nhiên, các nhà lãnh đạo Trung Quốc không thể hạ thấp cảnh giác và họ ra lệnh cho quân đội ở Quân khu phía Bắc và Tây Bắc nâng cao mức độ sẵn sàng chiến đấu trước khả năng tấn công từ Liên Xô. Họ cũng nhấn mạnh rằng nếu các lực lượng của Liên Xô tràn sang, quân đội Trung Quốc phải "kiên cường giữ vững đồng thời không được tạo cảm giác yếu thế".<sup>97</sup>

Cuộc họp vào thời điểm năm mới đã trì hoãn thời gian triển khai quân sự. Một số các nhà phân tích phương Tây đã cho rằng Trung Quốc vẫn còn ngần ngại vì lo lắng về phản ứng quốc tế và chuyển đi dự kiến của Đặng Tiểu Bình đến Hoa Kỳ và Nhật Bản được dự định để "thăm dò tình hình".<sup>98</sup> Trên thực tế, các lãnh đạo Trung Quốc chủ yếu lo lắng về việc liệu các lực lượng của họ đã có đủ thời gian chuẩn bị đầy đủ cho cuộc xâm lược chưa. Những mệnh lệnh đầu tiên được chuyển đến Quảng Châu và Côn Minh là "tất cả các đơn vị phải đến được vị trí chỉ định của mình trước ngày 10 tháng 1 năm 1979 và hoàn tất chuẩn bị chiến đấu ngay khi đó".<sup>99</sup> Tuy nhiên, các binh sĩ Trung Quốc chưa từng tham gia vào bất kỳ cuộc chiến tranh nào kể từ năm 1969 và nhiều người trong số họ không thể hiểu tại sao lại tiến hành chiến tranh chống lại một đồng minh truyền thống và láng giềng nhỏ bé.<sup>100</sup> Ngay sau cuộc họp trước thềm năm mới, Đặng cử Dương Dũng - Phó Tổng tham mưu trưởng, Vi Quốc Thanh (Wei Guoqing) - Tổng cục trưởng Tổng cục chính trị, và Trương Chấn (Zhang Zhen) - Tổng cục trưởng Tổng cục hậu cần đi kiểm tra mức độ sẵn sàng chiến đấu của quân đội ở Vân Nam và Quảng Tây.

Kinh ngạc trước tình trạng thiếu chuẩn bị của các lực lượng này, Trương Chấn ngay lập tức đề nghị hoãn cuộc chiến tranh trong một tháng. Sau này, ông kể lại rằng Quân ủy Trung ương đồng ý trì hoãn hành động quân sự cho đến giữa tháng Hai.<sup>101</sup> Ngày 22 tháng Giêng, Đặng đã gặp các lãnh đạo chủ chốt của Quân ủy Trung ương Từ Hướng Tiền, Nhiếp Vinh Trăn và Cảnh Tiêu tại tư dinh. Dương báo cáo về chuyển thị sát tiền phương trước đó và đưa ra một số kiến nghị cho

---

<sup>96</sup> Zhang, *Huiyilu*, Tập 2, trang 166.

<sup>97</sup> Min, *ZhongYue zhanzheng shinian*, trang 17; và Jin Hui and Zhang Huisheng, *ZhongYue zhanzhengmilu* [Bí mật chiến tranh Trung-Việt] (Bắc Kinh: Jiefangjun chubanshe, 1991), các trang 27–28.

<sup>98</sup> Xem ví dụ, Segal, *Defending China*, trang 214.

<sup>99</sup> Zhou, *Yige gaoji canmouzhang de zishu*, trang 246.

<sup>100</sup> The General Office of the General Political Department, *ZhongYue bianjing ziwei huanji zuozhan zhengzi gongzuo jingyan xuanbian* [Compilation of Materials on Political Work and Experience in the Counterattack in Self-defense on the China-Vietnamese Border] (Beijing: Guangxi renmin chubanshe, 1980), Vol. 1, pp. 2–19.

<sup>101</sup> Zhang, *Huiyilu*, Tập 2, các trang 170–171.

cuộc chiến.<sup>102</sup> Có khả năng tại cuộc họp này các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã không chỉ tái khẳng định quyết định chiến tranh mà còn quyết định hoãn kế hoạch tấn công Việt Nam từ Vân Nam qua Lào. Đến giữa tháng Giêng, quân đội Việt Nam đã chiếm phần lớn Campuchia. Các nhà lãnh đạo ĐCS TQ không tin rằng một cuộc tấn công của Giải phóng Quân Trung Quốc từ phía Bắc sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến các chiến dịch của Hà Nội ở phía Nam. Hai ngày sau đó, Bộ Tổng tham mưu triệu tập Tham mưu trưởng Quân khu Quảng Châu đến Bắc Kinh để chốt kế hoạch chiến tranh, truyền đạt chỉ thị của Đặng rằng quân đội phải được sẵn sàng trước ngày 15 tháng 2 năm 1979 để bắt đầu nhiệm vụ triệt hạ quân địch ở Lạng Sơn và Cao Bằng. Để hỗ trợ các hoạt động này, hai tập đoàn quân bổ sung rút từ kế hoạch tấn công từ phía tây bắc đã hủy được điều động tăng cường cho cuộc tấn công từ Quảng Tây. Những người tham gia trong cuộc họp mô tả chiến dịch sắp diễn ra này là một "cuộc phản kích tự vệ chống lại Việt Nam".<sup>103</sup>

### **Tìm kiếm ủng hộ từ Washington**

Ngày 28 tháng 1 năm 1979, khi quân đội Trung Quốc chuẩn bị cho cuộc chiến chống lại Việt Nam, Đặng lên một chiếc Boeing 707 đến Washington cho chuyến thăm lịch sử của mình đến Hoa Kỳ. Ông ta ngồi lảm lì trong cabin, đắm mình trong suy tưởng và nhận thức rõ tầm quan trọng của chuyến đi.<sup>104</sup> Chuyến thăm của ông sẽ hoàn thành hành trình do Mao khởi xướng trước đó gần một thập kỷ để tạo lập một mối quan hệ chiến lược với Hoa Kỳ. Đặng không chắc chắn người Mỹ sẽ phản ứng như thế nào đối với kế hoạch chiến tranh chống lại Việt Nam. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc hẳn đã cho rằng Trung Quốc và Hoa Kỳ có cùng mục tiêu chiến lược và sẽ hình thành một mặt trận thống nhất chống lại bá quyền Liên Xô. Một trong những mục tiêu chính (không nói ra) trong chuyến đi của Đặng Tiểu Bình là thiết lập quan hệ đồng minh với Mỹ nhằm chống lại liên minh Xô-Việt tại Đông Á.<sup>105</sup> Con át chủ bài của Đặng là kế hoạch quân sự của Trung Quốc chống lại Việt Nam mà ông muốn giành được sự ủng hộ của Mỹ. Theo Cảnh Tiều, Đặng đề nghị Hoa Kỳ điều đội tàu chiến đến vùng Biển Đông để tìm chân hải quân Liên Xô và cùng lúc hỗ trợ Trung Quốc thông tin tình báo về tàu thuyền Việt Nam. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc dường như tin rằng để Hải quân Hoa Kỳ vào căn cứ hải quân Du Lâm

<sup>102</sup> Jiang Feng et al., *Yang Yong*, trang 495.

<sup>103</sup> Zhou, *Yige gaoji canmouzhang de zishu*, các trang 257–258; Zhang, Huiyilu, Tập 2, trang 171.

<sup>104</sup> Qian, *Deng Xiaoping*, trang 211.

<sup>105</sup> Gong, *Deng Xiaoping*, p. 255; Tao Wenzhao, "Deng Xiaoping and China-U.S. Relations, 19770–1991," *Shehui kexue yanjiu* [Social Science Studies], No. 5 (2005), pp. 11–18; and Li Xiangqian, "The Establishment of China-U.S. Diplomatic Relations and the Strategic Shift in the Emphasis of Party Work," *Zhonggong dangshi yanjiu* [Studies of the CCP Party History], No. 1 (2000), pp. 44–51.

trên đảo Hải Nam "sẽ có lợi cho sự ổn định của khu vực Đông Nam Á".<sup>106</sup>

Lịch trình của Đặng ở Washington bao gồm ba cuộc họp chính thức với Tổng thống Carter. Trong hai cuộc họp đầu tiên, Đặng và Carter trao đổi quan điểm về các vấn đề thế giới và tại cuộc họp thứ ba họ lên kế hoạch thảo luận về phát triển mối quan hệ song phương.<sup>107</sup> Vào tối ngày 28 tháng 1, vài giờ sau khi đến Washington, Đặng đã yêu cầu một cuộc họp đặc biệt với Carter để thảo luận về vấn đề Việt Nam, điều này đã gây một bất ngờ đối với chủ nhà Mỹ.<sup>108</sup> Cuộc họp được tổ chức tại Phòng Bầu dục vào cuối buổi chiều ngày 29 ngay sau buổi họp thứ hai, với sự tham dự của Đặng, Bộ trưởng ngoại giao Hoàng Hoa (Huang Hua) và Thứ trưởng Ngoại giao Zhang Wenjin bên phía Trung Quốc và Carter, Phó Tổng thống Walter Mondale, Bộ trưởng Bộ ngoại giao Cyrus Vance, và Brzezinski bên phía Hoa Kỳ.<sup>109</sup> Brzezinski trong hồi ký của mình kể lại rằng nhà lãnh đạo Trung Quốc tuyên bố "một cách bình tĩnh, quả quyết, và chắc chắn" về quyết định của Trung Quốc tấn công Việt Nam. Đặng đã thông báo cho người Mỹ rằng để đối phó với sự bành trướng của Liên Xô, Trung Quốc "xét thấy cần phải hạn chế những tham vọng nông cuồng của người Việt Nam và cho họ một bài học hạn chế thích đáng". Không tiết lộ chi tiết về kế hoạch của Trung Quốc, Đặng đã tóm lược những đáp trả khả dĩ của Liên Xô và các phương án đối phó. Ông ta nói rằng nếu "khả năng xấu nhất" xảy ra, Trung Quốc cũng "sẽ không nhượng bộ" và chỉ yêu cầu Mỹ đơn giản "hỗ trợ tinh thần" trên trường quốc tế. Carter không đưa ra ngay câu trả lời và thay vào đó chỉ đơn thuần nhắc nhở vị khách Trung Quốc của mình phải kiềm chế trong việc giải quyết những tình huống khó khăn như vậy.<sup>110</sup>

Ngày hôm sau, Đặng nhận được một bức thư ngắn viết tay từ Carter và Tổng thống Mỹ đã tìm cách ngăn cản cuộc tấn công của Trung Quốc vào Việt Nam. Tổng thống cho rằng một cuộc chiến tranh trừng phạt hạn chế sẽ không có tác dụng đối với việc chiếm đóng Campuchia của Việt Nam và ông cảnh báo rằng nó có thể kéo Trung Quốc sa lầy. Carter còn báo trước hành động xâm lược Việt Nam sẽ cản trở nỗ lực của Trung Quốc xây dựng một hình ảnh yêu chuộng hòa bình trên thế giới và có thể khiến người Mỹ lo ngại rằng hành động quân sự của Trung Quốc trong tương lai sẽ làm phương hại đến lợi ích của Mỹ trong khu vực.<sup>111</sup> Ngày 30 tháng 1 năm 1979 tại một cuộc họp riêng khác với Carter, Đặng đã tỏ ra quyết tâm

<sup>106</sup> Geng, "Secret Report," p. 156.

<sup>107</sup> Memorandum from Brzezinski to Carter, n.d. [1979], in China, Box 9, Brzezinski File, JCL.

<sup>108</sup> Memorandum from Michael Oksenberg to Brzezinski, 29 January 1979, in China, Box 9, Brzezinski File, JCL.

<sup>109</sup> Memorandum of Conversation, Carter-Deng, 29 January 1979, in China Vertical File, JCL.

<sup>110</sup> Zbigniew Brzezinski, *Power and Principle: Memoirs of the National Security Adviser, 1977–1981* (New York: Farrar, Straus and Giroux, 1983), trang 409.

<sup>111</sup> Letter from Carter to Deng, 30 January 1979, in China, Box 9, Brzezinski File, JCL.



và cứng rắn, nhấn mạnh rằng Trung Quốc phải trừng phạt Việt Nam và rằng quân đội Trung Quốc sẽ giới hạn hành động của mình chỉ trong một chiến dịch nhỏ. Ông thừa nhận khả năng phản ứng quốc tế bị chia rẽ vào thời điểm đó, nhưng ông tin tưởng rằng về dài hạn quan điểm sẽ chuyển sang ủng hộ Trung Quốc.<sup>112</sup> Ngay cơ phản ứng dữ dội từ quốc tế không ngăn cản được lãnh đạo Trung Quốc bởi vì một khi đã quyết, ông sẽ không đầu hàng trước bất cứ điều gì.<sup>113</sup> Mặc dù Carter đã có ý kiến không ủng hộ, Đặng không tin rằng Mỹ sẽ lên án Trung Quốc vì hành động quân sự của mình.<sup>114</sup>

Trước khi rời Washington cho một chuyến thăm đến các bang khác của Hoa Kỳ, Đặng đã rất ngạc nhiên khi biết rằng Mỹ có quan tâm đến kế hoạch lập một căn cứ thám thính chung Mỹ-Trung tại khu vực Tân Cương của Trung Quốc nhằm vào - Liên Xô. Cuộc cách mạng Hồi giáo ngày một lan rộng ở Iran đã làm nảy sinh những nghi ngại về tương lai của căn cứ Mỹ ở đó. Theo Brzezinski, đề xuất đặt căn cứ tại Trung Quốc được dự định nhằm hỗ trợ Hoa Kỳ kiểm tra mức độ tuân thủ Hiệp ước hạn chế vũ khí chiến lược của Liên Xô. Không giống như Mao trong những năm 1950 đã từng bác bỏ đề nghị của Liên Xô về lắp đặt một trung tâm chung chuyển tiếp sóng dài phát thanh và một trạm tiếp nhận sóng dài ở Trung Quốc, Đặng tỏ ra rất quan tâm đến ý tưởng và đồng ý xem xét đề nghị này.<sup>115</sup> Rõ ràng trong suốt cuộc thảo luận riêng cuối cùng này giữa Carter, Brzezinski và Đặng, cả hai bên đã đạt được một thỏa thuận ngầm rằng Hoa Kỳ sẽ giúp Trung Quốc giám sát tình báo lực lượng Liên Xô tại Viễn Đông.<sup>116</sup> Đặng nói với Ủy ban Trung ương ĐCSTQ vào tháng 3 năm 1979 rằng Hoa Kỳ công khai "phát ngôn chính thức" (*daguanqiang*) chống lại hành động quân sự của Trung Quốc nhưng "khi nói riêng [với ông] thì khác" và "thông báo cho chúng ta về một số thông tin tình báo" cho thấy không có sự đoàn nào trong số 54 sư đoàn của Liên Xô trên biên giới Trung-Xô đủ lực lượng.<sup>117</sup> Trên chuyến đi về nhà, Đặng cảm thấy thoải mái.<sup>118</sup> Ông cảm nhận rằng một mối quan hệ chiến lược mới giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ đang phát triển trên cơ sở chia sẻ lợi ích chung của hai nước khi chống lại chủ nghĩa bành trướng của Liên Xô. Về vấn đề Việt Nam, phía Hoa Kỳ đã không phản đối hoặc chỉ trích trực tiếp các kế hoạch của Trung Quốc mà thay vì thế đã kêu gọi hợp tác tình báo trong

<sup>112</sup> Brzezinski, *Power and Principle*, trang 410.

<sup>113</sup> Nhiều cấp dưới của Đặng nhớ lại rằng ông thường không thay đổi khi đã quyết định. Ví dụ, xem Chen Zaidao, *Chen Zaidao huiyilu* [Chen Zaidao Memoirs] (Beijing: Jiefangjun chubanshe, 1991), p. 462.

<sup>114</sup> Brzezinski, *Power and Principle*, trang 410.

<sup>115</sup> Chen, *Mao's China*, các trang 73–74; Tyler, *A Great Wall*, các trang 276–277.

<sup>116</sup> Tyler, *A Great Wall*, các trang 277–278.

<sup>117</sup> Bài diễn văn của Đặng tại Phiên họp toàn thể Ủy ban trung ương ĐCSTQ, ngày 16 tháng 3 năm 1979 (xem ghi chú 83 ở trên).

<sup>118</sup> Đặng thậm chí mời một vài cộng sự chơi bài trên máy bay. Qian, *Deng Xiaoping*, trang 291.

tương lai.

### **Kết luận: Đánh giá quyết định chiến tranh của Trung Quốc**

Ngày 11 tháng 2 năm 1979, hai ngày sau khi Đặng quay trở lại Bắc Kinh, Bộ Chính trị ĐCS TQ tập hợp trong một phiên họp mở rộng. Đặng đã giải thích bản chất và mục tiêu của cuộc tấn công Việt Nam. Sau đó, các chỉ huy quân sự địa phương tại Quảng Tây và Vân Nam đã nhận được lệnh phát động các cuộc tấn công vào Việt Nam.<sup>119</sup> Ngày 14 tháng 2, Ủy ban Trung ương ĐCS TQ đã gửi một thông tư cho đảng bộ các tỉnh, quân khu, Các Tổng cục Giải phóng Quân Trung Quốc, các Bộ của chính phủ, giải thích quyết định phát động cuộc phản kích tự vệ. Mục đích của thông tư là để các tổ chức đảng nắm bắt về cuộc chiến sắp xảy ra và yêu cầu họ thông báo cho các đảng viên ở cấp tỉnh và cấp trung đoàn quân sự. Để ngăn chặn bất kỳ ý kiến phản đối và nghi ngại nào, thông tư nhấn mạnh rằng chiến tranh sẽ được giới hạn về không gian, thời gian và quy mô. Dẫn lại bài học tranh chấp biên giới Trung-Ấn năm 1962 và các cuộc xung đột biên giới Trung-Xô năm 1969, thông tư nhấn mạnh rằng Trung Quốc sẽ không có lấy một tấc lãnh thổ Việt Nam và sẽ không cho phép Việt Nam chiếm lấy một tấc đất Trung Quốc. Văn kiện kết luận với ghi nhận rằng hành động quân sự sẽ thúc đẩy hòa bình và ổn định dọc theo biên giới và sẽ tạo điều kiện cho chương trình "Bốn hiện đại hóa" của Trung Quốc.<sup>120</sup>

Ngày 17 tháng 2 là ngày mà các nhà quan sát của bên thứ ba đã lường trước từ lâu. Trước đó họ đã nghi ngờ rằng thời gian của cuộc tấn công sẽ liên quan chặt chẽ đến yếu tố thời tiết. Trung Quốc sẽ không muốn tiến hành hoạt động quân sự trong mùa mưa thường bắt đầu vào tháng Tư, hoặc tấn công quá sớm khi các lực lượng vũ trang của Liên Xô vẫn có thể vượt qua các con sông đóng băng dọc theo biên giới Trung-Xô.<sup>121</sup> Đặng và các lãnh đạo khác của Trung Quốc đã cân nhắc tất cả các phương án cũng như những hậu quả có thể xảy ra một khi quân đội của họ đã vượt qua biên giới Việt Nam, bao gồm nguy cơ một cuộc đối đầu với Liên Xô. Họ tin tưởng rằng giới hạn phạm vi và thời gian của cuộc chiến mà họ mô tả là "cuộc phản kích tự vệ" sẽ ngăn chặn các phản ứng tiêu cực trong và ngoài nước. Tuy nhiên, dường như không ai lường được rằng cuộc chiến năm 1979

---

<sup>119</sup> Zhou, *Yige gaoji canmouzhang de zishu*, các trang 259–260; và Jiang Feng et al., *Yang Yong*, các trang 496–497.

<sup>120</sup> Toàn bộ thông tư có trong Min, *ZhongYue zhanzheng shinian*, trang 34.

<sup>121</sup> Harlan W. Jencks, "China's 'Punitive' War on Vietnam: A Military Assessment," *Asian Survey*, Vol. 19, No. 8 (August 1979), pp. 804–805; Herbert Yee, "The Sino-Vietnamese Border War," *China Report*, Vol. 16, No. 1 (January–February 1980), p. 22; and Segal, *Defending China*, p. 214.

sẽ mở màn cho chuỗi giao tranh quân sự liên miên tại biên giới Trung-Việt trong gần một thập kỷ sau đó.

Theo các học giả Trung Quốc, quyết định tiến hành chiến tranh chống lại Việt Nam của Trung Quốc chịu ảnh hưởng từ phản ứng thái quá của các nhà lãnh đạo nước này với mối đe dọa từ quân đội Liên Xô, từ đó khiến họ theo đuổi hợp tác chiến lược với Hoa Kỳ chống lại Liên Xô. Do chính sách này tập trung vào đối đầu, nên cách tiếp cận của Bắc Kinh đối với khu vực đã trở nên cứng nhắc và mang tính quân phiệt. Các nhà hoạch định chính sách Trung Quốc tin rằng một cuộc tấn công trừng phạt đối với Việt Nam sẽ là đòn giáng vào chiến lược mở rộng toàn cầu của Liên Xô.<sup>122</sup> Tuy nhiên, những nghiên cứu này không giải thích đầy đủ lý do tại sao các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã phóng đại mối đe dọa Liên Xô hoặc lý do tại sao Đặng mong muốn thông báo cho chính quyền Carter về quyết định tấn công Việt Nam, một hành động thông thường chỉ xảy ra giữa hai nước đồng minh thân cận.<sup>123</sup> Mặc dù yếu tố Liên Xô ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định của Trung Quốc nhưng những yếu tố khác bao gồm chính trị trong nước cũng đóng một phần vai trò.

Chính sách của Trung Quốc đối với Việt Nam được định hình từ nhiều tính toán khác nhau, từ truyền thống lịch sử đến hệ tư tưởng cách mạng và an ninh quốc gia. Nhận thức của các lãnh đạo Trung Quốc về ưu thế vượt trội đã chi phối nhận thức của họ về mối quan hệ Trung Quốc với Việt Nam.<sup>124</sup> Mặc dù các quan chức tại Bắc Kinh nhiều lần tuyên bố rằng Việt Nam cần được đối xử "bình đẳng", Chen Jian quan sát thấy rằng luận điệu đó thực chất phản ánh niềm tin mạnh mẽ của họ rằng "Trung Quốc đã đạt đến một vị thế mà từ đó họ có quyền đặt ra những giá trị và quy tắc hành vi có thể chế ngự các mối quan hệ của họ với các nước láng giềng".<sup>125</sup> Trung Quốc tuyên bố rằng họ đã không bao giờ áp đặt các điều kiện chính trị và kinh tế vào viện trợ quân sự cho Hà Nội trong hai thập kỷ trước đó, nhưng Bắc Kinh đã yêu cầu Hà Nội phải thừa nhận vai trò lãnh đạo của

---

<sup>122</sup> Gong Li, "A Triangular Relationship of U.S.-China-Soviet Union during the 1979 China-Vietnam Border Conflict," *Guoji guancha* [International Observer], No. 3 (2004), pp. 66–72; Wang, "The Soviet Factor," p. 173. Wang cho rằng sự cường điệu của Trung Quốc đối với mối đe dọa quân sự từ Liên Xô là nhằm ngăn chặn Trung Quốc rơi vào "vị thế yếu về chiến lược"

<sup>123</sup> Gong Li nhầm lẫn cho rằng Đặng thông báo với Carter về quyết định của Trung Quốc xâm lược Việt Nam ở cuộc họp chính thức ngày 29 tháng 1 năm 1979, và ông đã sai khi nói rằng Đặng đã có tiết lộ đáng ngạc nhiên trong buổi nói chuyện bình thường của hai lãnh đạo thể hiện quan điểm về thế giới. Xem Gong, "A Triangular Relationship," p. 68..

<sup>124</sup> He Di, "The Most Respected Enemy: Mao Zedong's Perception of the United States," in Michael Hunt and Liu Jun, eds., *Toward a History of Chinese Communist Foreign Relations, 1920s–1960s: Personalities and Interpretative Approaches* (Washington, DC: Woodrow Wilson International Center for Scholars Asian Program, 1995), pp. 27–66; Chen Jian, "China's Involvement in the Vietnam War, 1964–1969," *The China Quarterly*, No. 142 (June 1995), pp. 356–387.

<sup>125</sup> Chen, *Mao's China*, trang 237.

Trung Quốc trong công cuộc hỗ trợ các phong trào giải phóng dân tộc.<sup>126</sup> "Hành vi sai trái" của Việt Nam đối với Trung Quốc, đặc biệt là liên minh với Liên Xô như là một sự sỉ nhục đối với người Trung Quốc, và họ muốn trừng phạt đồng minh một thời bội bạc của mình. Tâm lý này đã đóng một vai trò đáng kể khi tạo ra tinh thần đồng tâm nhất trí rộng rãi giữa các nhà lãnh đạo chính trị và quân sự Trung Quốc ủng hộ Đặng, nhân vật then chốt thúc đẩy hành động quân sự chống lại Việt Nam. Xét về đề tài chủ quyền lãnh thổ, vốn dễ gây kích động với người Trung Quốc, quan điểm của giới quân sự có vẻ chính là yếu tố chủ chốt khơi mào cho những quyết định tiến hành chiến tranh thực tế. Cuộc họp tháng 9 năm 1978 của Bộ Tổng tham mưu, vốn đưa ra các khuyến nghị làm thế nào để khắc phục các mối quan hệ ngày càng xấu đi với Việt Nam, chính là điểm khởi đầu của hoạt động quân sự lớn. Đặng đã sử dụng các khuyến nghị này cho các mục tiêu chiến lược cả trong và chiến lược.

Những yếu tố lịch sử văn hóa cùng với tình cảm quốc gia đã thúc đẩy các lãnh đạo Trung Quốc phát động một cuộc chiến tranh để "dạy cho Việt Nam một bài học". Tuy nhiên, chương trình nghị sự về kinh tế mới của Bắc Kinh và các mối đe dọa đang tồn tại của Liên Xô, cộng với mùa mưa sắp tới tại Việt Nam đã khiến Bộ Chính trị ĐCSTQ muốn giới hạn chỉ trong một chiến dịch nhanh và hạn chế. Cuộc chiến tranh đã được lên kế hoạch để không có rủi ro đáng kể đối với Hà Nội và chỉ làm xói mòn ý chí chiếm đóng Campuchia của Việt Nam. Khmer Đỏ đã hy vọng rằng quân đội Trung Quốc có thể tấn công sâu vào lãnh thổ Việt Nam nhưng điều đó đã không thực sự xảy ra. Tuy nhiên, cuộc tấn công "mang tính biểu trưng" của Trung Quốc đã giúp Khmer Đỏ thoát khỏi nguy cơ bị hủy diệt toàn bộ và cho phép họ duy trì khả năng kháng cự trước các lực lượng chiếm đóng Việt Nam.

Bản chất trừng phạt của cuộc chiến tranh là một mục tiêu thực sự hay nó chỉ là một luận điệu hoa mỹ và phản ánh sự giận dữ của Bắc Kinh đối với Hà Nội và hành động xâm lược Campuchia? Nếu dạy một bài học là mục đích chính của Trung Quốc, quân đội Trung Quốc lẽ ra phải đánh quyết liệt để đạt được những kết quả quân sự ý nghĩa. Nhưng trong một cuộc phỏng vấn với các nhà báo Nhật Bản trong giai đoạn cuộc chiến, Đặng khẳng định rằng ông không "cần thành tích quân sự".<sup>127</sup> Sau đó, ông ta giải thích: "Quyết định dạy Việt Nam một bài học không dựa trên việc xem xét tình hình đang xảy ra giữa Trung Quốc và Việt Nam hoặc ở Đông Dương, mà dựa trên nền tảng suy xét vấn đề từ góc độ Châu Á và Thái Bình Dương

---

<sup>126</sup> Xiaoming Zhang, "China's Involvement in Laos during the Vietnam War, 1963–1975," *Journal of Military History*, No. 60 (October 2002), pp. 1141–1166.

<sup>127</sup> Kyodo News, 26 February 1979, in FBIS-PRC, 26 February 1979, p. A5.

và nói cách khác, từ tầm cao chiến lược toàn cầu".<sup>128</sup> Cuối cùng, tính toán của ông chủ yếu ưu tiên hai điểm: cải thiện môi trường an ninh bên ngoài của Trung Quốc và cải cách, mở cửa kinh tế Trung Quốc.

Trong cuối những năm 1970, tư duy chiến lược của các lãnh đạo Trung Quốc vẫn phản ánh quan điểm của Mao, xem Liên Xô là mối nguy hiểm lớn nhất đối với hòa bình thế giới và đối với Trung Quốc. Mối quan hệ quân sự mới giữa Liên Xô và Việt Nam, việc Việt Nam đưa quân vào Campuchia và thái độ thù địch tăng cao của Việt Nam đối với Trung Quốc đã thổi bùng lên mối quan ngại từ phía Bắc Kinh về nguy cơ đe dọa ngày càng lớn của Liên Xô đối với Trung Quốc. Mặc dù Đặng từ bỏ chính sách đối nội cấp tiến của Mao, ông vẫn trung thành triệt để với chiến lược "hoành tuyến" của vị cố lãnh đạo Trung Quốc, hình thành một mặt trận chung với Hoa Kỳ chống lại Liên Xô. Công cuộc cải cách kinh tế định hướng thị trường của Trung Quốc khởi phát đã củng cố tầm quan trọng của nền chính trị quyền lực thực dụng trong tư duy chiến lược của Trung Quốc. Đặng đã đặt cược thành công của cải cách kinh tế vào công nghệ phương Tây và đầu tư nước ngoài, đặc biệt là từ Mỹ. Quyết định của Đặng chấp nhận các điều khoản của Mỹ vào giữa tháng 12 năm 1978 là rất quan trọng để đạt được cả hai mục tiêu chiến lược bên trong và bên ngoài. Mặc dù tính toán thực dụng của Đặng Tiểu Bình về lợi ích quốc gia gần như không có hạn chế ý thức hệ, nhưng ông đã nuôi dưỡng hy vọng ngây thơ rằng vấn đề bán vũ khí cho Đài Loan sẽ tự được giải quyết khi Trung Quốc phát triển mối quan hệ có lợi hơn đối với Hoa Kỳ.<sup>129</sup> Quyết định khởi động một cuộc chiến tranh trừng phạt đối với Việt Nam của Trung Quốc dự tính là nhằm thể hiện giá trị hữu dụng của Bắc Kinh trong việc chống lại chủ nghĩa bành trướng của Liên Xô. Trung Quốc chấp thuận đề nghị của Hoa Kỳ thiết lập hai trạm giám sát ở miền tây Trung Quốc đã tạo ra một tài sản quý giá cho cả hai nước nhưng cũng là một món nợ cho chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc trong nhiều năm tới.<sup>130</sup> Xét tất cả những yếu tố này, mục đích của quyết định sử dụng vũ lực để dạy cho Việt Nam một bài học của Trung Quốc là không quan trọng như nhiều người từng nghĩ. Chúng ta khó có thể đánh giá quyết định đi đến chiến tranh mà không xem xét cẩn thận về bối cảnh chính trị và định hướng cải cách kinh tế của Trung Quốc – những điều kiện năm

<sup>128</sup> Giải thích này được thực hiện trước các thành viên Ủy ban Thượng viện Hoa Kỳ về vấn đề quan hệ ngoại giao với Bắc Kinh ngày 19 tháng 4 năm 1979. Gong, "A Triangular Relationship," p. 70.

<sup>129</sup> Rosemary Foot chỉ ra rằng không ai mong chờ vấn đề bán vũ khí cho Đài Loan vẫn còn là "trung tâm căng thẳng của quan hệ Trung-Mỹ đến ngày hôm nay" Xem Rosemary Foot, "Prizes Won, Opportunities Lost: The U.S. Normalization of Relations with China, 1972–1979," in Kirby, Ross, and Li, eds., *Normalization of U.S.-China Relations*, p. 109.

<sup>130</sup> Sau năm 1980 Hoa Kỳ bắt đầu bán hệ thống vũ khí phòng ngự cho Trung Quốc, bao gồm radar phòng không, thiết bị thông tin viễn thông và trực thăng quân sự. Xem Gong, "A Triangular Relationship," p. 71.

1979 đã cơ bản khác so với tình hình năm 1950. Dù căn nguyên của cuộc chiến có là gì đi nữa, phong cách lãnh đạo độc tài của Đặng cho phép ông ta chi phối quá trình ra quyết định của Bắc Kinh và do đó mức độ khôn ngoan trong quyết định tấn công Việt Nam của ông ta vẫn còn là điều gây tranh cãi.

---

## **GIỚI THIỆU DỰ ÁN *NGHIENCUUQUOCTE.NET***

---

### **Mục đích**

*Nghiencuuquocte.net* là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

### **Lý do ra đời**

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

### **Hoạt động chính**

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, [nghiencuuquocte@gmail.com](mailto:nghiencuuquocte@gmail.com)